
Đời Sống Của Người Tín Đồ Cao Đài

Lời Cảm Tạ

Xin Chân Thành Tri Ân

Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa và Quý vị chức sắc trong Ban Kiểm duyệt kinh sách Tòa Thánh Tây Ninh đã giúp chúng tôi nhiều ý kiến xây dựng, bổ khuyết những chỗ thiếu sót.

Hiền Huynh Lễ Sanh Ngọc Hồng Thanh và bạn Nguyễn Thành Luông đã soạn thay chúng tôi chương nói về việc thờ cúng.

Đa Tạ
Nguyễn Long Thành

Ngài Bảo Đạo H.T.Đ
Trưởng Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách
cho phép số 91/BKD.TT.
Ngày 9 tháng 5 Giáp Dần (28-06-1974)

1. Tựa

“Tôi nhớ một phen kẻ nghịch Đạo để lời gièm pha biếm nhẽ rằng văn từ của Thầy xem rất thường tình. Tôi chấp bút phân phiên cùng Thầy, Thầy dạy rằng: - Con ôi! Trong anh em của con phần dốt nhiều hơn hay chữ, đưa ám muội đông hơn đưa thông minh. Thầy đến chăm nom dạy dỗ đưa ngu dốt hơn là đưa hay giỏi, thà là đưa sáng khôn quá hiểu mà chê Thầy hơn đưa dốt nghe Đạo Thầy mà không rõ lý..”

Trên đây là lời của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc nói cùng chư đạo hữu về cách dụng ngôn từ để dạy Đạo của Đức Chí Tôn. Trong nửa thế kỷ đã trôi qua kể từ ngày lập giáo, xem lại số kinh điển trong Cao Đài vẫn còn quá ít, bậc chơn tu giác tánh văn tài lỗi lạc cũng chẳng được bao nhiêu hầu có đủ tay chung sức lập ngôn thuyết giáo cho chúng sanh nhờ hưởng.

Nhìn lại cách lập pháp của Đức Chí Tôn giao cho Cửu Trùng Đài cầm số mạng nhưn sanh và phân quyền cho Vạn Linh đối cùng Chí Linh, ta mới thấy lòng từ bi của Thầy thật nên quá lẽ.

Cái lý nhiệm màu “Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa” thì trời đất kia vẫn xoay chuyển không ngừng, còn thân phàm thể ta đây, biết ăn, biết nói, thì cảnh nào việc ấy mới hợp với cơ thiên. Ấy vậy ngôn từ của con người ta là để nói Đạo cho chơn thần giục tấn, xác thân là hành động giúp đỡ Vạn Linh tìm đến Chí Linh.

Phép lập ngôn của người theo Đạo Cao Đài thật không mấy khó mà cũng chẳng phải dễ. Đạo thì bao la vô cùng tận, tế vi nhiệm màu, còn ngôn ngữ thì giới hạn, ý nghĩa lại hàm hồ. Đức Chí Tôn lại dặn phải lấy lời bình dị mà đem lý Đạo nhiệm màu vào tâm não đám anh em kém hiểu. Ôi! Chẳng khác nào kẻ nghèo phải lãnh nợ.

Tuy vậy, Thầy vẫn hằng bố hóa, trót bốn mươi chín năm dư, biết bao kẻ nghèo nàn ngu dốt mà vẫn được làm môn đệ yêu dấu của Thầy. Lỡ lẽ tuy tầm thường, tấm thân rách rưới, nhưng nơi họ tôi thấy có hình ảnh của Chí Tôn.

Nay vẫn noi theo con đường cũ, kẻ hèn này xin góp nhặt đôi lời chuyện vãn cùng chư đạo hữu về những điều thường nhật trong đời sống của người tín đồ Cao Đài. Cầu xin những bậc cao minh chỉ giáo những chỗ sai lầm và các bậc từ tâm thi ơn ẩn tống.

Tòa Thánh Tây Ninh
Ngày 10 tháng 4 năm Giáp Dần
(DL: 01-5-1974)
Soạn giả NGUYỄN LONG THÀNH

2. Lược Sử Đạo Cao Đài

A. Lịch sử lập giáo

Đạo Cao Đài là một tôn giáo lớn phát xuất tại Việt Nam từ năm 1926, còn có danh gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

1. Quan phủ Ngô Văn Chiêu là một người có khuynh hướng tu Tiên, thường hay lập Đàn cầu cơ thỉnh Tiên về học Đạo và xin thuốc trị bệnh, ông có gặp được Đức Cao Đài và có thờ Ngài.

Đức Cao Đài có hiện hình Thiên Nhân (con mắt) làm một huyền diệu cho ông đủ tin tưởng và lấy đó làm biểu tượng thờ phượng. Sự việc này đã xảy ra tại đảo Phú Quốc trong khi ông đang làm quan cho chính quyền Pháp vào năm 1921.

Quan phủ Ngô Văn Chiêu là đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài, sau có thêm một số đệ tử nữa cùng tu hành với ông, nhưng những hoạt động của những vị này chưa phát triển thành một tôn giáo.

2. Từ năm 1924-1925, phong trào xây bàn cầu cơ chấp bút lan rộng và phổ thông hơn trước. Tại Sài Gòn, một số người Việt Nam làm công chức cho Pháp, thường tụ họp nhau lại xây bàn thỉnh vong linh người quá cố về họa thi đề tiêu khiển, và hỏi thăm về thế giới vô hình cùng tương lai vận mạng của chính mình và dân tộc

Trong số các chơn linh giáng hạ có một chơn linh đến với một điển lực mạnh phi thường, không chịu xưng danh mà chỉ xưng là ông A, Ǻ, Ǻ. Mãi đến đêm Noel 1925 ông A, Ǻ, Ǻ mới cho biết chính là Ngài Đức Chí Tôn, là Ngọc Hoàng Thượng Đế, Ngài đến để lập Đạo Cao Đài.

Ngài xưng danh như sau: “Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương”.

Từ đó Đức Chí Tôn thường giảng dạy về đạo lý, chỉ biểu cách thành lập Hội Thánh, phong tước phẩm cho những chức sắc buổi ban sơ cùng thân nhận đệ tử. Các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài

Sang, Lê Văn Trung... và một số bạn bè trong nhóm trở thành chức sắc lớn trong Hội Thánh. Quan trọng hơn hết là vai trò của Hộ Pháp Phạm Công Tắc giữ phân nửa quyền hành trong Đạo.

Đến ngày 01-9 Bính Dần (07-10-1926) 28 người đại diện ký tên vào Tuyên Ngôn Khai Đạo gửi lên nhà cầm quyền Pháp. Kể từ đây Cao Đài đã trở thành một tôn giáo về mặt pháp lý tại thế gian.

Tóm lại, lịch sử lập giáo Đạo Cao Đài (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) có những thời điểm chính như sau:

- . Từ năm 1921 Quan phủ Ngô Văn Chiêu đã biết thờ Đức Cao Đài.
- . 1925 Đức Cao Đài xưng danh là Ngọc Hoàng Thượng Đế và tuyên bố Giáo Đạo Nam Phương.
- . Đạo Cao Đài thành hình một tôn giáo, bành trướng mạnh mẽ từ 1926 trở đi, trung ương đặt tại Tây Ninh.

B. Tổ chức Cao Đài

1. Phân quyền

Cao Đài giáo quan niệm rằng trong cơ trị thế có hai quyền hành là Thiên Thượng và Thiên Hạ.

- Quyền Chí Linh là quyền hành của Đức Chí Tôn và các Đấng trọn lành tức là Thiên Thượng.
- Quyền Vạn Linh là quyền của ba hội: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội hiệp lại thể cho Thiên Hạ.

Bởi Đạo Cao Đài là dân chủ nên quyền Chí Linh (tức Thiên Thượng) cho Vạn Linh (tức Thiên Hạ) rộng quyền tự lập luật mà tu hành.

2. Tổ chức

Về tổ chức có ba đài: một vô hình, hai hữu hình.

Bát Quái Đài:

Thuộc về vô hình, do Đức Chí Tôn và các Đấng trọn lành điều khiển, vận dụng năng lực thần bí trong vũ trụ để thúc đẩy cơ sanh hóa và giục tấn các đấng chơn hồn.

Hiệp Thiên Đài:

Là cơ quan bán hữu hình, vì nơi đây có chức sắc hữu hình làm việc, được thông công với Bát Quái Đài để nhận lệnh hay lời chỉ giáo của quyền Chí Linh.

Đứng đầu Hiệp Thiên Đài là Hộ Pháp. Hiệp Thiên Đài có nhiệm vụ bảo thủ chơn truyền luật pháp của Đạo.

Toàn thể chức sắc làm việc trong hệ thống Hiệp Thiên Đài hiệp lại thành Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.

Cửu Trùng Đài:

Là cơ quan hữu hình, có nhiệm vụ tổ chức đời sống của tín đồ cho phù hợp với chơn pháp Tam Kỳ Phổ Độ, cầm quyền hành chánh, thi hành luật pháp Đạo, truyền bá đức tin.

Đứng đầu Cửu Trùng Đài là Giáo Tông. Giáo Tông là Anh cả của mọi tín đồ. Về mặt hữu hình, Hộ Pháp là em của Giáo Tông, nhưng về phần Thiêng Liêng thì đồng vị. Toàn thể chức sắc làm việc trong hệ thống Cửu Trùng Đài hiệp lại thành Hội Thánh Cửu Trùng Đài, có cả nam phái và nữ phái quyền hành phân biệt.

Hội Thánh Phước Thiện:

Nằm bên Hiệp Thiên Đài và đặt dưới sự lãnh đạo tối cao của vị Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài là Đức Hộ Pháp.

1). Tổ chức Hội Thánh Cửu Trùng Đài

Trung ương đặt tại Tòa Thánh Tây Ninh, địa phương gồm các tỉnh ở miền Trung và Nam phần Việt Nam, một số tỉnh ở miền Bắc. Ở ngoại quốc cũng có vài nước có cơ sở Đạo Cao Đài như: Pháp, Nhật, Cam Bốt, Congo...

Tại Trung ương có 9 viện, gọi theo chữ Hán là Cửu Viện chia đều cho 3 phái:

Phái Thái điều khiển:

- Hộ Viện coi về tài chánh.
- Lương Viện coi về lương thực.
- Công Viện coi về đường sá, dinh thự.

Phái Thượng điều khiển:

- Học Viện coi về giáo dục.
- Y Viện coi về y tế.
- Nông viện coi về canh nông

Phái Ngọc điều khiển:

- Hòa viện coi về an ninh, hoà giải.
- Lại viện coi về hành chánh đạo.
- Lễ viện coi về tế tự, nghi lễ.

Tại địa phương có:

- Trấn Đạo gồm nhiều Châu Đạo (Tỉnh Đạo)
- Châu Đạo gồm nhiều Tộc Đạo (Quận Đạo)
- Tộc Đạo gồm nhiều Hương Đạo (Xã, Làng Đạo)
- Hương Đạo gồm nhiều Ấp Đạo.

(Tại Châu Thành Thánh Địa, Phận Đạo tương đương với Tộc Đạo).

Đơn vị hành chánh là Hương Đạo, có công cử Bàn Trị sự điều khiển tất cả mọi việc trong Hương Đạo. Những chức vụ trong tổ chức Bàn Trị Sự gồm có:

- Chánh Trị Sự nắm quyền hành chánh và luật lệ trong Hương Đạo.
- Phó Trị Sự nắm quyền hành chánh trong Ấp Đạo.
- Thông Sự nắm quyền luật lệ trong Ấp Đạo.
- Và một số Biện Đạo, Tuần Đạo, Thư Tín...

Theo luật Đạo, tín đồ liên lạc thường xuyên nhất với các chức việc Bàn Trị Sự trong các dịp quan, hôn, tang, tế. Bàn Trị Sự là cơ quan có thẩm quyền xét định và cấp giấy chứng nhận về hạnh kiểm, đức tính của tín đồ. Giấy này rất quan trọng mọi hồ sơ về tôn giáo.

Chức việc Bàn Trị Sự có quyền phân xử những vụ tranh chấp giữa các tín đồ với nhau, thường thường dưới hình thức hòa giải, nếu không sẽ đề trình thượng cấp xét định.

C. Tôn chỉ- Mục đích

Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài để dạy cho con người làm lành lánh dữ, lập công bồi đức, để trở thành người hiền, người tốt tại thế gian, khi chết chơn linh được trở về ngôi vị cũ trong cõi thiêng liêng hằng sống, tùy theo công đức ít nhiều mà đạt đến địa vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Còn đối với xã hội, Ngài muốn cho nhơn loại có tư tưởng đại đồng, biết thương yêu nhau, coi nhau như anh em một nhà, thờ một ông Cha chung.

Ngài xác định tất cả các Đạo giáo, các giáo thuyết đã có từ trước đến nay đều do chính Thiên ý Ngài đã lập ra. Sở dĩ có sự khác biệt giữa các đạo giáo là vì phong tục, tập quán, trình độ dân trí của các dân tộc khác nhau, tùy theo thời kỳ và tùy theo từng vùng đất trên địa cầu.

Nay chính mình Đức Chí Tôn đến, ngài gom góp những cái hay của tất cả Đạo giáo, chỉ dạy thêm những điều mới lạ mà lập thành Tam Kỳ Phổ Độ nên gọi là Quy Nguyên Tam Giáo (Nho Giáo, Phật Giáo, Lão Giáo), Phục Nhứt Ngũ Chi (Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo).

3. Nhập Môn

A. Nghi Lễ Nhập Môn

Bước đầu tiên để một người thường trở thành tín đồ Cao Đài là phải nhập môn cầu Đạo. Đây là một nghi lễ hữu hình nhưng nó có giá trị về mặt tâm linh và Hội Thánh, cũng như hầu hết các tôn giáo đều làm.

Người nhập môn phải quỳ trước Thiên Bàn và nói lên lời minh thệ của mình đại ý như sau:

"Tôi tên là ... tuổi, thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế chẳng đời dạ thay lòng, hiệp đồng chư

môn đệ gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru, Địa lục”.

Người chứng lễ là một vị Chức Sắc đương quyền hành chánh ở cấp nào cũng được. Tại các địa phương hẻo lánh, không có Chức Sắc hành Đạo thì vị Chánh Trị Sự cũng được phép chứng lễ nhập môn.

B. Sớ Cầu Đạo

Sau nghi lễ, người xin nhập môn đã chính thức trở thành tín đồ Cao Đài và được cấp một giấy chứng nhận sớ là “Sớ Cầu Đạo Tạm”. Sau sáu tháng tập sự làm quen với các sinh hoạt tôn giáo như cúng lạy, ăn chay... nếu chứng tỏ được tinh thần hướng thiện của mình, người tân tín đồ sẽ được cấp “Sớ Cầu Đạo Thiệt Thọ” thay cho Sớ Cầu Đạo Tạm.

Sớ Cầu Đạo Thiệt Thọ này sẽ dùng trong suốt cuộc đời mình, khi chết sẽ được đốt đi, ý nghĩa là để gửi theo cho linh hồn người chết sử dụng.

Trên Sớ Cầu Đạo có ghi tên hai người tiến dẫn mình tức là người đã giới thiệu, hướng dẫn mình đi vào cửa Đạo. Hai người tiến dẫn có trách nhiệm suốt đời đối với người mới nhập môn.

Sau này nếu người tín đồ lập được công đức lớn, người tiến dẫn cũng chung hưởng được một phần công nghiệp, còn nếu làm điều đại tội trong cửa Đạo, người tiến dẫn cũng phải chịu một phần trách nhiệm.

Tuy luật lệ hữu hình này không ràng buộc nghiêm khắc như vậy, nhưng về mặt tâm linh quả thật có như vậy. Cho nên khi đã kết nghĩa làm bạn Đạo với nhau, phải biết giữ gìn cho nhau khỏi bị sa ngã, đối xử với nhau bằng sự thành thật tín nhiệm và hòa hiệp, là những điều căn bản y như lời kinh đã dạy:

“Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp..”

C. Tại sao phải nhập môn

Làm lễ nhập môn có ích lợi gì?

Tại sao phải minh thệ?

Về mặt hữu hình, trước nhất nó có ý nghĩa của một lời tuyên thệ công khai rằng người tín đồ bằng lòng đặt mình trong kỷ luật của Hội Thánh. Hành động này hoàn toàn tự do, có ý thức, không ai bắt buộc mình cả.

Rồi vì tự mình khép khuôn trong kỷ luật ấy, vì danh dự của tập thể, vì sự tôn trọng lời hứa mà các bạn đạo, chức việc, chức sắc bề trên mới có thể và có quyền can thiệp vào đời sống tư riêng của mình buộc phải sửa đương cho nên hiền, nên Thánh.

Thoảng như mình không gia nhập vào Đạo Cao Đài thì những người kia chỉ là xa lạ, đâu ai có quyền can dự vào đời sống của mình, ngăn cản, khuyên bảo việc dữ, điều lành. Và lại chung sống với nhau trong đoàn thể, anh ngã em nâng, đâu đâu cũng có bạn hữu là một điều lợi trước mắt về cả tinh thần lẫn vật chất.

Còn về phương diện vô hình, khi người tín đồ lập thệ rồi thì sẽ được Thần linh theo phù hộ, nếu họ thật tâm cải tà quy chánh. Đây là điểm hệ trọng, con người có thể đối gạt được người phàm nhưng không thể nào đối gạt được Thần linh.

Thần linh đến phù hộ chúng ta bằng sự giao cảm, nếu không thiết tâm tu hành, dầu đã nhập môn cũng chẳng thấy một ân huệ nào cả. Và lại nếu không dám hứa nhập môn theo Đạo trước mặt Thần linh thì Thần linh không nhận mình làm đệ tử. Ấy là lẽ đương nhiên.

Lúc mới khai Đạo tại Cần Giuộc, có một Đàn cơ Đức Chí Tôn giảng dạy như sau:

“- Quí vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con, Thầy chẳng cho hành xác, chúng nó hiệp Tam Thập Lục Động toan hại các con, nên Thầy sai Quan Thánh và Quan Âm đến giữ gìn các con. Nhưng phần đông chưa lập minh thệ nên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật không muốn nhìn nhận”
(*TNHT.Q.1 1969 Tr.37*)

D. Giải oan tẩy thánh

Còn một điều ích lợi nữa về mặt thần quyền, là sau khi lập thệ rồi, nếu may duyên gặp được vị Chức sắc có thọ truyền bửu pháp sẽ được làm phép giải oan để rửa sạch tội tình oan nghiệt đã gây ra từ trước.

Tâm thần của người tín đồ sẽ cảm thấy nhẹ nhàng hơn trước. Bí pháp này nhằm đem đến cho thể xác ân điển thiêng liêng thanh khiết, xua đuổi tà khí ra khỏi xác thân. Đức Chí Tôn có dạy:

“- Chơn thần của các con gặp tà khí thì khó chịu nên Thầy xuống điển nhiều đặng ngăn tà mị, một đôi khi phải nhập xác vì điển xuống nhiều. Cũng một lẽ ấy mà mỗi lần lập thệ đều có nhập xác”.

Đối với trẻ sơ sinh, cha mẹ có bốn phận phải đem nó đến Thánh Thất hay Đền Thánh để làm phép Tẩy Thánh. Điều thứ 12 chương Thế Luật của Bộ Tân Luật Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ghi rõ:

“Đưa con nít khi được một tháng sắp lên phải đem đến Thánh Thất sở tại mà xin làm lễ Tẩy Thánh và ghi vào Bộ Sanh của bốn đạo”.

Sau nghi lễ này, đứa trẻ được gọi là tín đồ về mặt pháp lý. Nó được cấp giấy chứng nhận được gọi là “Giấy Tẩy Thánh”. Cha mẹ phải có bốn phận gìn giữ giấy này cho đến khi nó trưởng thành.

Theo luật lệ hiện hành của Hội Thánh, đến năm 18 tuổi, đứa trẻ được coi là trưởng thành. Nó phải làm lễ nhập môn minh thệ và đem giấy Tẩy Thánh đổi lấy Sơ Cầu Đạo Thiết Thọ. Hội Thánh sẽ ghi tên nó vào Bộ Đạo chính thức từ đây.

Sở dĩ có sự ràng buộc này là vì khi còn bé thơ, cha mẹ đem nó đi Tẩy Thánh, nó chưa có ý thức gì về hành động này cả. Việc làm hoàn toàn do cha mẹ nó hoàn toàn định đoạt.

Giờ đây đứa bé đã trưởng thành, nó có ý thức và trách nhiệm đối với mọi hành động của nó. Nó được hoàn toàn tự do xác định rằng nó muốn theo Đạo Cao Đài hay không tùy ý nó. T

hoảng như nó nhất quyết từ chối không theo Đạo, luật lệ của Hội Thánh cũng không buộc tội cha mẹ nó hoặc nó. Nếu không nhập môn, không có Sớ Cầu Đạo thì kể là không có Đạo.

Còn về mặt thần quyền, bí pháp Tắm Thánh cũng có nghĩa như phép Giải Oan, nghĩa là đem ân điển thiêng liêng truyền vào cơ thể hài nhi để giúp nó phát triển dễ dàng cả về tâm linh lẫn thể chất theo chiều hướng tốt đẹp.

Đối với trẻ người ta coi là vô tội, ít nhất từ khi mới sinh ra, nên dùng chữ “Tắm Thánh” chứ không dùng chữ “Giải Oan” vì nó chưa gây nên oan nghiệt gì cả.

Tại sao cha mẹ có bổn phận phải đem con đi làm lễ Tắm Thánh?

Khi một chơn linh xuống trần quyết định lựa chọn gia đình có đạo đức để đầu thai làm con, chơn linh ấy xét thấy có nhiều hy vọng để được bậc cha mẹ nuôi dưỡng mình suốt thời kỳ thơ ấu trong nếp sinh hoạt đạo đức, hy vọng được hưởng ân huệ của Đức Chí Tôn ban cho trong Tam Kỳ Phổ Độ này, được Chí Tôn ân xá tội tình từ kiếp trước.

Nếu bậc cha mẹ không đem trẻ con đi Tắm Thánh, nó sẽ không được hưởng ân lành của Đức Chí Tôn ban cho và con đường tấn hóa của nó có thể gặp trở ngại vì những quả nghiệp xấu mà nó đã gây ra từ bao kiếp trước và vì chưa được ân xá nên phải trả theo luật công bình thiêng liêng vậy.

Trách nhiệm ấy về phần cha mẹ gánh chịu trực tiếp vì bậc cha mẹ là người hiểu Đạo mà không lo tròn bổn phận đối với con trẻ, làm chậm trễ bước đường tấn hóa của các chơn linh xuống trần.

4. Ăn Chay

A. Luật đạo về việc ăn chay

Điều thứ 12 Bộ Tân Luật của Đạo Cao Đài ban hành kể từ ngày lập giáo đến giờ qui định như sau:

“Nhập môn rồi gọi là tín đồ. Trong hàng tín đồ có hai bậc:

Một bậc còn ở thế có vợ có chồng làm ăn như người thường song buộc phải trai kỳ hoặc 6 hoặc 10 ngày trong tháng, phải giữ ngũ giới cấm và phải tuân theo thể luật của Đạo Cao Đài truyền bá. Bậc này gọi là người giữ Đạo mà thôi, vào phẩm hạ thừa.

Một bậc đã giữ trường trai, giới sát gọi là vào phẩm thượng thừa”.

Điều thứ 14 nói rằng:

Chức sắc cai trị trong Đạo từ bậc Giáo Hữu sắp lên phải chọn trong bậc người thượng thừa mà thôi.

Ăn chay theo Đạo Cao Đài có nghĩa là nuôi dưỡng cơ thể bằng chế độ thực phẩm gốc thực vật. Người tín đồ không được phép ăn thịt của bất cứ loài động vật nào trong ngày chay lạt từ con thú lớn như thịt bò, thịt

heo cho đến tôm cua. Nói một cách khác, thực phẩm mà họ dùng không có một vụ sát sanh động vật nào mà có.

Trong thời hạn 6 tháng tập sự kể từ ngày nhập môn, người tín đồ phải cố gắng ăn chay từ 6 ngày mỗi tháng, tập lần đến 10 ngày mỗi tháng, và có thể dừng lại ở mức này cho đến suốt đời nếu không muốn đi xa hơn nữa.

Những ngày ăn chay được tính theo âm lịch:

. Trai kì 6 ngày mỗi tháng là:

Mồng 1, 8, 14, 15, 23 và 30 (tháng thiếu thì ăn chay ngày 29 thế cho 30).

. Trai kì 10 ngày mỗi tháng là:

Mồng 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29 và 30 (tháng thiếu phải ăn chay ngày 27).

Tường cũng cần nói rõ nơi đây vấn đề dùng trứng, sữa, tôm khô, cua hay khô mực. Tôm, cá mực, cua là những loài động vật, ăn thịt những loài này, dù khô hay tươi vẫn phải kể là ăn mặn. Sữa gốc ở cơ thể động vật bài tiết ra, nhưng không phải là sát sanh, nên được phép dùng trong ngày chay.

Vấn đề trứng phức tạp hơn, hiện nay hai loại trứng thường dùng trong thực phẩm là trứng gà và trứng vịt, thực phẩm này cũng lấy từ cơ thể động vật mà ra, dù không sát sanh con thú mẹ nhưng nếu có trống, trứng có thể hườn nguyên hình một con thú mới. Do đó ăn loại trứng có trống này là gián tiếp ăn thịt một con thú sắp tượng hình rồi thì đương nhiên là đang ăn thịt một con “thú con” vậy không thể nào gọi là ăn chay được.

Nếu trứng không có trống thì trứng ấy chẳng khác nào một thứ sữa do thú vật bài tiết ra, dù có ấp cũng không nở ra con được, người ăn chay có thể tạm dùng được ngoài 10 ngày ăn chay và trong lúc bệnh hoạn, kém sức.

Nếu phải xếp loại, chúng ta có thể hiểu như thế này: giữa hai hạng người trường trai hoàn toàn (dùng toàn thực phẩm gốc ở thực vật) và hạng ăn mặn (dùng thịt của thú vật) có một hạng ở giữa cũng ăn chay nhưng còn dùng sữa thú vật và trứng không trống.

Tóm lại, dùng tôm, cua, khô mực, trứng có trống không thể kể là ăn chay được. Nếu cá nhân người nào còn dùng những thức ăn này ấy là vì cơ thể họ chưa quen được với chế độ trường trai đúng nghĩa, họ đang tập lần, chớ luật Đạo Cao Đài không cho phép dùng những thức ăn này trong ngày chay. Có nhiều người đã hiểu lầm về việc này. Hành động của cá nhân là một việc, không thể nào đồng hóa với luật pháp được.

Ăn chay bù

Vấn đề thứ hai là có thể ăn chay vào một ngày khác hơn ngày ấn định để bù lại vì đã ăn mặn vào một ngày chay, hay vì những lý do nào đó, thí dụ: tiệc tùng, hay vì nề lời nói của bạn bè hay chính mình không nhớ ngày ăn chay...

Nhập môn cầu Đạo là hành động tự nguyện, hứa tòng theo luật Đạo cũng là một hành động tự nguyện, không ai bắt buộc mình, nhưng một khi đã cam kết tức phải có sự ràng buộc.

Nếu một người đã cam kết điều gì rồi chính mình xem lời hứa của mình như không có, còn ai có thể tin mình được? Nhơn vô tín bất lập, cổ nhân vẫn thường nói, vì vậy mà giáo luật có tính cách bắt buộc người tín đồ phải giữ chay giới trong những ngày đã ấn định.

Để tập cho họ có đức tính tốt là luôn luôn phải nhớ lời hứa, chúng tỏ một nghị lực muốn vượt qua những cám dỗ của thể xác và đời sống thế tục, một ý chí muốn tu hành, ít nữa trong phạm vi nhỏ hẹp là sự ăn uống, giữ đúng trai kỳ là một hành động nói lên phần nào tinh thần của người tín đồ quyết tâm làm chủ thân xác và dục vọng của mình.

Ăn chay bù lại những ngày không giữ được giới luật là hành động dễ dãi nuông chiều dục vọng của mình. Nếu không thể giữ được tốt hơn nên can đảm nhìn nhận khả năng của mình đến mức đó, rồi cố gắng khắc phục dần dần những trở ngại chớ không nên tìm cách đánh tráo để cho tâm trí mình được yên ổn.

Trai kỳ đã được ấn định thành qui luật, tức cần phải được tuân theo, chúng ta không nên sửa cải, thay thế ngày chay này bằng một ngày chay khác. Đành rằng Đức Chí Tôn có hứa :

“Giữ trai kỳ từ 10 ngày đổ lên trong tháng thì được thọ truyền bửu pháp”.

Thay thế ngày ấy bằng một ngày khác thì tổng số cũng đủ 10 ngày, song về mặt tâm lý đã tỏ rõ yếu kém, xem lời minh thệ “Gìn luật lệ Cao Đài” nhẹ hơn lời mời của bạn hữu trong bữa tiệc hay một cơn thèm muốn của vị giác.

Tóm lại đối với vấn đề ăn chay bù này không nên dễ dãi với xác thân, mà cần phải buộc, phải tuân theo kỷ luật tối thiểu của người tu để làm căn bản.

Không ăn chay, làm việc thiện.

Tới đây một vấn đề được đặt ra là nếu như một người không ăn chay mà làm việc thiện, có tính tốt với mọi người thì sao?

Người ta vẫn hỏi như vậy và còn có ý so sánh với những kẻ ăn chay nhưng hành động thường nhật rõ ràng chẳng tốt đẹp gì. Dĩ nhiên ăn chay chỉ là một việc nhỏ trong đời sống người tín đồ, còn phải làm nhiều việc khác nữa, như là trau dồi tâm linh cho nên hiền, nên thánh.

Còn sự so sánh, chúng ta nên so sánh mình với những bậc mà thiên hạ đều kính yêu để bắt chước điều hay lẽ phải nơi họ chớ đừng nên so sánh với kẻ giả tu làm gì.

Nếu thấy mình hãnh diện khi so sánh với kẻ giả tu hay kẻ có lòng thành nhưng ở mức độ thấp kém, chúng ta nên hiểu rằng, niềm hãnh diện ấy chính là lòng kiêu ngạo, khoe khoang của chính mình đã biến dạng thành một trạng thái tâm lý như vậy. Nếu thật sự muốn hoàn thiện chúng ta nên dứt bỏ những ý nghĩ so sánh ấy. Dĩ nhiên sự thành thật là điều đáng quý vô cùng trong đời sống của người tín đồ.

Cố gắng ăn chay không thôi cũng đáng quý, làm việc thiện cũng đáng quý, mà có được cả hai thì càng tốt

miễn rằng chúng ta thành tâm muốn sửa đổi con người mình luôn luôn.

B. Ý nghĩa của sự ăn chay

Hành động ăn chay có ý nghĩa gì khiến giáo luật phải buộc nghiêm khắc như vậy?

Chúng ta hiểu rằng chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Đức Chí Tôn mà ra, hễ có sống ắt có Ngài trong đó. Ngài là cha của sự sống, lòng háo sanh của Ngài không cùng tận. Ngài đã phân tánh Ngài mà sinh ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, nhơn loại gọi chung là chúng sanh.

Nhơn loại là bậc tiến hoá cao hơn các loài kia thì vai tuồng chẳng khác người anh cả trong gia đình đối với các em vậy. Kẻ nào làm được hành động phi thường, yêu thương cả chúng sanh như yêu thương chính thân mình vậy, bảo bọc, nâng niu, che chở cho đời sống của muôn loài vạn vật... kẻ ấy được tôn trọng lên hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Ngược lại, nếu kẻ nào cướp đoạt mạng sống của chúng sanh để béo bổ thân mình ắt phải bị đền bồi mới đúng luật công bình tạo hoá. Như thân ta đây lấy từ cát bụi đắp nên hình, chết phải trả về cát bụi. Cỏ cây hút phân mà sống, rồi thú vật ăn cỏ cây nên hình, người ăn thịt thú và cây cỏ, người chết đi thân thối rữa trở thành phân, đất để cỏ cây đòi lại những chất bổ ấy. Người đã cướp mạng sống của cỏ cây giờ đây phải đền mạng, để cỏ cây mọc lại trên thân xác mình vừa biến thể.

Tấn tuồng ấy đã tạo thành vòng luân hồi triền miên từ tạo thiên lập địa đến giờ. Càng sống lâu càng khôn ngoan, luân hồi nhiều kiếp mới đạt đến địa vị con người là anh cả của thú vật, thảo mộc và vật chất, vốn là anh em do một nguồn gốc với nhau từ một ông cha chung là Chí Tôn mà ra.

Nếu muốn thoát cửa luân hồi, ngừng nghỉ cuộc tử sanh máu đổ thịt rơi chỉ có một cách là mở rộng tâm thần nhìn thẳng vào chúng sanh, sẽ thấy mọi người là ruột thịt với nhau. Tình thương thiêng liêng ấy sẽ buộc ta dừng tay chém giết lại, ấy là lòng bác ái, là ý nghĩa của việc ăn chay.

Bất sát sanh là lệnh truyền của Đức Chí Tôn và ăn chay là một trong muôn ngàn cách thực hiện lời dạy ấy. Bởi vậy hành động ăn chay phải đi kèm với ý tưởng muốn mở rộng lòng yêu thương của mình xóa bỏ hận thù với tất cả mọi người, mọi vật.

Thế nhưng ăn chay nào tránh khỏi sát sanh đâu, ăn thảo mộc cũng là sanh vật vậy? Quả nhiên như thế, ai đã đến cõi trần này mang lấy xác thân, ắt có luân hồi vay trả, chưa dễ gì không ăn mà sống, nên thôi đành hiệp nhau lại mà làm một điều luật định cho kẻ nào bớt được việc sát sanh, như là đối với những sinh vật thân thích, gần gũi với mình hơn hết, thì đồng công nhận kẻ đó có được lòng thương rộng rãi nên ban cho phẩm vị học đòi theo hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Ấy vậy quyền của Vạn Linh đã định kẻ nào chỉ ăn hoa quả, thảo mộc mà sống cũng vào hạng từ tâm, bác ái, cũng đáng gọi là “Bất sát sanh”, tuy rằng chẳng phải nghĩa cho lắm, nhưng xét ra cũng ít người làm được, thì địa vị kia cũng không có gì là quá đáng.

Vậy thì hành động ăn chay có ý nghĩa là biết thương mình, thương người, thương cả chúng sanh, tình thương ấy biểu lộ một cách tích cực trong hành động chớ không phải trong lời nói suông.

C. Tác dụng thần quyền

Thánh Giáo của Đức Chí Tôn có dạy rằng:

“Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân. Một phàm gọi là Corporel (thể xác). Còn một thiêng liêng gọi là Spirituel (linh hồn), mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra nên gọi là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng không thấy đặng.

Cái xác vô hình huyền diệu, thiêng liêng ấy do nơi Tinh Khí Thần mà luyện thành. Nó nhẹ nhàng hơn không khí...”

Đức Chí Tôn gọi xác thân thứ hai này là **Chơn thần**. Ngài lại dạy:

“- Nó vẫn là chất, tức hiệp với không khí Tiên Thiên, mà trong khí Tiên Thiên thì hằng có điển quang. Cái chơn thần buộc phải tinh tấn, trong sạch mới nhẹ hơn không khí, ra khỏi ngoài càn khôn đặng.” (TNHT, QI, 1969 trg30)

Một trong những điều kiện để làm cho chơn thần nhẹ nhàng tinh tấn, trong sạch là người tu phải ăn chay trường, vì phải có thân phàm tinh khiết mới xuất chơn thần tinh khiết. Lẽ dĩ nhiên chỉ ăn chay trường không thôi không đủ để làm cho người ta trở nên chí Thánh, chí Tiên, chí Phật.

Nhưng điều kiện này rất cần thiết vì khi còn ăn mặn mà luyện đạo, nếu như hườn hình được nhị xác thân thì chơn thần ấy vẫn còn chứa trược khí trong đó, mà trược khí là một chất tiếp điển nên khi chưa ra khỏi lần không khí đã bị sét đánh tiêu diệt rồi. Còn nếu như chơn thần khôn ngoan hơn, ẩn núp tại thể, thì kiếp đạo trần cũng chưa mãn.

Vì vậy mà Đức Chí Tôn buộc người tu vào bậc thượng thừa phải trường trai giới sát. Còn đối với bậc hạ thừa Ngài không buộc trường trai, song nhưng ít nhất cũng phải giữ đặng 10 ngày chay trở lên mỗi tháng.

Ngài có hứa rằng kẻ nào giữa đặng trai kỳ 10 ngày trở lên được thọ truyền bửu pháp và Hội Thánh thực hiện lời hứa ấy bằng cách làm phép xác cắt bảy dây oan nghiệt cho người nào lúc chết còn giữ được 10 ngày chay mỗi tháng. Về phần chức sắc đã có thọ phép giải thể, chết về đời, sống về Đạo thì đặng phép độ thăng, khỏi cắt bảy dây oan nghiệt.

Đức Bát Nương Diêu Trì Cung lại còn giảng rõ về âm quang như sau:

“... Nơi ấy, là những chốn phạt tù những hồn vô căn, vô kiếp như quả buộc ràng, luân hồi chuyển thế... kỳ thật là nơi để cho các chơn hồn giải thần định trí (một nơi trung gian giữa thiên đường và địa ngục hay là mờ mờ mịt mịt).

Ấy là một cái quan ải, các chơn hồn khi qui thiên, phải đi ngang qua đó. Sự khó khăn bước khỏi qua đó là đệ nhất sợ của các chơn hồn. Nhưng tâm tu còn lại chút nào nơi xác thịt con người, cũng nhờ cái sợ ấy mà lo tu niệm. Có nhiều hồn chưa qua khỏi đặng, phải chịu ít nữa đôi trăm năm, tùy chơn hồn thanh trược. Chí Tôn buộc phải trường chay cũng vì cái quan ải ấy”. (TNHT, QII, 1970 trg 83)

Lời giải thích đã khá rõ ràng ăn chay có tác dụng làm cho chơn thần được thanh khiết là điều kiện cần thiết để vượt khỏi âm quang về cõi thiêng liêng hằng sống.

Hai tiếng thanh trước nơi đây có một ý nghĩa tương đối, mà thật vậy có gì là tuyệt đối trong cõi đời này đâu. Chơn thần của một người được gọi là thanh, xét về phương diện thần quyền, đâu phải chỉ có ăn chay là đủ, mà còn phải có muôn vàn điều kiện khác nữa.

Đức Chí Tôn có hứa thọ truyền bửu pháp cho kẻ nào giữ trai giới 10 ngày trở lên. Đó là một điều kiện cần thiết trong lãnh vực ăn uống, chớ thật ra bao nhiêu ngày chay đó cũng chưa chắc đủ cho chơn thần siêu thoát được.

Bởi vậy khi hứa cho tín đồ được phép giữ 10 ngày chay, Đức Chí Tôn đã buộc liền, phải tạo nhiều công đức, rồi công đức ấy cộng với sự trai giới định kỳ làm cho chơn thần tương đối thanh, nó mới có thể nương nhờ ân điển thiêng liêng thanh khiết hơn nhiều lắm, núp theo đó mà thăng dần đến các cõi cao siêu tịch diệt.

Ấy vậy mới có những giáo pháp không cần đòi hỏi tín đồ phải giữ trai giới mà vẫn tạo ngôi Thần, Thánh, Tiên, Phật được. Không giữ trai giới nhưng tạo được nhiều công nghiệp, tâm linh mở rộng, môn đồ của những giáo pháp không ăn chay ấy vẫn tạo được chơn thần thanh theo nghĩa tương đối nên vẫn về được ngôi vị cũ, vẫn được thần linh độ hồn về cực lạc.

Tích cực là tạo công đức, tiêu cực là trì tâm giới sát, bù qua sót lại tới mức nào đó, thì chơn thần gọi là thanh, đương nhiên được sống nơi cõi phù hợp với trạng thái của nó.

Đạo vẫn như nhiên, pháp linh của trời đất xưa nay vẫn không thay đổi dù giáo pháp của các vị giáo chủ có đổi thay.

Ấy vậy luật pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho ăn chay 10 ngày rồi trường chay không có gì ngược với bí pháp của Đạo Thánh Kitô, Thích Ca, hay Vô Vi của Lão Tử... Chúng ta thấy có sự khác biệt ở chỗ có ăn chay hay không, nhưng bí pháp hằng sống của chơn thần chẳng hề khác nếu người ta chịu hiểu cho đến tận cùng giáo lý của các vị giáo chủ ấy, như là nền tảng siêu linh, là phần Hình Nhi Thượng, chớ đừng hiểu ở ngọn, ở chữ nghĩa của kinh điển.

5. Thờ Cúng

A. Cúng Đại Đàn tại Thánh Thất

Tân Luật Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ điều thứ 19:

Buộc mỗi tín đồ phải đến Thánh Thất tham dự các đàn cúng vào ngày mùng một và rằm mỗi tháng âm lịch và sau đó nghe giảng đạo. Trường hợp bận việc riêng bất khả kháng thì được chế giảm.

Để kiểm soát sự siêng năng châu lễ Đức Chí Tôn của tín đồ, Hội Thánh đã cho áp dụng thể thức chứng sổ lưu niệm mỗi lần dự lễ. Có hai hình thức cúng đàn: Đại đàn và Tiểu đàn.

Nghi tiết cúng Đại đàn tại các Thánh Thất được tóm lược như sau:

- Đến giờ cúng Lễ vụ đánh ba hiệp trống, mỗi hiệp 12 hồi, mỗi hồi 12 tiếng. Giờ cúng được ấn định vào thời Tý (00 giờ) hoặc thời Ngọ (12 giờ trưa). Trước khi đánh trống phải đọc câu chú kệ trống ()
- Xong đến 3 hiệp chuông cũng y như đánh trống ()
- Khi chuông đổ được hai hiệp, chức sắc, chức việc và tín đồ xếp thành hàng đi vào Thánh Thất, hai tay bắt ấn tý () theo thứ tự nam tả nữ hữu (nhìn từ trong ra ngoài), phẩm lớn trước, phẩm nhỏ sau. Tất cả đứng dọc theo hai bên mặt quay vào nhau.
- Chuông dứt, Lễ vụ khắc ba tiếng chuông báo hiệu nhập đàn, tất cả đều xá một xá, xong bước vào giữa chánh điện, mắt nhìn về phía Thiên Nhân.
- **Nhạc Tấu Huân Thiên:** Ban nhạc thổi bản hòa tấu rất đặc biệt kéo dài khoảng nửa giờ. Mọi người đều đứng yên tại vị trí của mình, cố gắng giữ tâm hồn cho yên tĩnh.
- **Niệm Thánh:** dứt phần nhạc, nghe theo tiếng chuông của Lễ vụ, tất cả đều xá ba xá, quì xuống đưa tay lên trán niệm “Nam Mô Phật”, đưa qua bên trái niệm “Nam Mô Pháp”, đưa qua bên phải niệm “Nam Mô Tăng”, để tay giữa ngực niệm:

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.
Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.
Nam Mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
Nam Mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.
Nam Mô chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần”.

Mỗi câu niệm phải cúi đầu kính lễ.

- **Đọc kinh:** niệm Thánh xong, đồng nhi bắt đầu đọc các bài kinh sau đây:

Niệm Hương:

“Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp...”

Khi dứt lạy 12 lạy, nghĩa là ba lần cúi xuống, mỗi lần bốn gập (vì mỗi gập tượng trưng cho một lạy), mỗi lần gập đầu đều niệm chú Chí Tôn: “Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Chú ý: Khi cúi xuống lạy, hai bàn tay xòe ra úp sát mặt đất, giữ cho hai ngón cái chéo nhau. Khi ngẩng đầu lên thì bắt ấn tý lại như cũ.

Khai Kinh:

“Biển tràn khở vơi vơi trời nước...”

Khi dứt cúi đầu chớ không lạy.

Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế:

“Đại La Thiên Đế...”

Khi dứt lạy 12 lạy như trên, niệm chú Chí Tôn.

Phật Giáo Tâm Kinh:

“Hỗn độn Tôn Sư...”

Lạy 9 lạy, nghĩa là 3 lần cúi xuống mỗi lần 3 gập. Niệm chú lạy mỗi gập “Nam Mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Tiên Giáo Tâm Kinh:

“Tiên Thiên khí hoá...”

Lạy 9 lạy như trên. Niệm chú: “*Nam Mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn*”.

Thánh Giáo Tâm Kinh:

“Quế hương nội diện...”

Lạy 9 lạy. Niệm chú “*Nam Mô Khổng Thánh Tiên Sư Hùng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn*”.

Dâng Tam Bửu:

Đồng Nhi đọc các bài thài sau đây:

. **Dâng Hoa:** “*Từ bi giá ngự rạng môn Thiên...*”

. **Dâng rượu:** “*Thiên ân huệ chiếu giáng thiên minh...*”

. **Dâng Trà:** “*Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương...*”

Dứt mỗi bài thài lạy 4 lạy, nghĩa là chỉ có một lần cúi xuống, 4 gập.

Lời cầu nguyện khi dâng Tam Bửu như sau:

. **Khi dâng hoa:** cúi đầu xuống cầu nguyện Chí Tôn như sau:

“Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

. Khi dâng rượu:

“Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

. Khi dâng trà:

“Con xin dâng cả linh hồn con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

Và cầu nguyện luôn câu sau đây:

“Cả linh hồn, cả trí não, cả hình hài con, Thầy đào tạo đó là của Thầy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thầy định.

Dâng Sớ:

Sau khi đọc sớ và đốt sớ xong, lạy 12 lạy, niệm chú Chí Tôn.

Đọc bài kinh Ngũ Nguyện:

Nam Mô:

Nhứt nguyện Đại Đạo Hoằng Khai,

Nhì nguyện phổ độ chúng sanh.

Tam nguyện xá tội đệ tử.

Tứ nguyện thiên hạ thái bình,

Ngũ nguyện Thánh Thất an ninh.

Niệm chú Chí Tôn.

Phần nghi lễ cúng tế xong, tất cả đứng dậy xá ba xá, quay ra sau lưng (nhớ quay đồng lượt phía bên vai trái) xá bàn Hộ Pháp một xá (sau Đức Hộ Pháp có chữ "KHÍ") lui về hai bên đàn nội, nam tả nữ hữu (nhìn từ trong ra ngoài).

Phần thuyết đạo của chức sắc (nếu có)

Bãi Đàn:

Lễ vụ đến dọn chuông bãi đàn và kệ các câu chú như sau :

. Đàn tràng viên mãn chức sắc quy nguyện vĩnh mộc từ ân phong điều võ thuận.
(*đánh một tiếng Đại hồng chung*)

. Thiên phong hải chúng quốc thới dân an hồi hương đàn trường tận thâm pháp giải.
(*đánh một tiếng Đại hồng chung*)

. Ân đà ra đế dạ ta bà ha
(*đánh một tiếng Đại hồng chung*)

Tất cả nghiêm trang xá đàn, đoạn theo thứ tự ra về. (Người đứng phía trong ra trước, ngoài ra sau, y như trật tự khi vào Thánh Thất).

B. Cúng Đại Đàn tại Tòa Thánh

Đến tại Tòa Thánh Tây Ninh là nơi trung ương, nghi tiết cúng đại đàn có phần khác hơn đôi chút ở những điểm sau:

1. Hoán Đàn:

Khi vào bên trong Đền Thánh vẫn giữ theo thứ tự nam tả nữ hữu (nhìn từ trong ra ngoài). Cả chức sắc, chức việc và đạo hữu của mỗi phái nam nữ đều đi thành vòng tròn ngược chiều nhau, nam đi theo nam, nữ đi theo nữ, gọi là đi hoán đàn.

Khởi sự từ chỗ bước vào, ngang ngai Hộ Pháp, phái nam đi thẳng lên phía Bát Quái Đài, đi ngang qua Cung Đạo (khoảng trống giữa bàn thờ Đức Chí Tôn và ngai Giáo Tông) vòng qua bên phái nữ, xuống tận ngai Hộ Pháp, đi ngang qua trước mặt ngai, trở lại vị trí bắt đầu khi nãy tức là giáp được một vòng, rồi mới tiến đến vị trí của mỗi người tùy theo hàng phẩm lớn nhỏ để chờ khởi sự cúng.

Phái nữ cũng đi thành một vòng như vậy nhưng ngược chiều phái nam.

Ý nghĩa của pháp đi hoán đàn được Đức Hộ Pháp giải thích như sau:

Tại sao phải hoán đàn nam nữ chen nhau? Đó là bùa pháp luân thường chuyển.

Tại sao Chí Tôn để bùa pháp luân thường chuyển tại thế này, đặng chi vậy?

"Hiện đã mãn Hạ Nguơn tam chuyển, Thượng Nguơn tứ chuyển ta gọi là Khai Nguơn nên phải để cho pháp luân chuyển. Ta đã biết thời Tiên Thiên Khí và Hậu Thiên Khí chuyển làm một mới đạt đạo đặng.

Cả thầy đều biết qua Cửu Trùng Đài này là Cửu Thiên Khai Hóa, còn cung trên kia là Cung Đạo, từ trước đến nay mỗi người mãi miết tìm Đạo mà Chí Tôn để giữa đó, trước mắt mà không biết.

Đi chín tầng Trời để cho phần hồn đi cho cùng tột cửu phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật tức là Phật xuống phàm, rồi phàm trở lại Phật, chuyển luân như vậy, bí pháp gọi là đạt Đạo". (*Lời thuyết Đạo. Q.2 tr. 28*)

2. Khi cúng tại Đền Thánh:

Được ngồi xếp bằng thay vì quì như ở các Thánh Thất.

3. Chinh sát cúng phẩm:

Trong thời gian Nhạc Tấu Huân Thiên, khi Ngọc Đàn xướng "*Chinh sát cúng phẩm*" thì một vị chức sắc Hiệp Thiên Đài rời hàng ngũ lên lầu Hiệp Thiên Đài quan sát các cúng phẩm có đầy đủ và tinh khiết rồi hành pháp trấn thần các cúng phẩm, xong rồi trở lại vị trí cũ và giao cho sáu vị Lễ Sĩ gồm hai mặc áo vàng, hai mặc áo xanh, hai mặc áo đỏ, đội mào lễ, cầm lồng đèn (màu theo sắc áo của mình) đi từ phía trên lầu

Hiệp Thiên Đài xuống trước ngai Hộ Pháp rồi đi theo đường nội tâm chánh điện lên phía Bát Quái Đài.

Theo sau là một vị Giáo Sư phái Ngọc mang một cái hộp đựng Tam Bửu (hoa, rượu, trà), sáu Lễ Sĩ và một vị Giáo Sư đi tới ngang phẩm Phối Sư thì dừng lại đấy, phân ra hai bên chờ tới khi dâng Tam Bửu xong sẽ trở về chỗ cũ.

Khi nhạc tấu Huân Thiên dứt, có một vị chức sắc Hiệp Thiên Đài lên thỉnh hương tại Bát Quái Đài đem xuống ngoại nghi (ngang phẩm Phối Sư), Lễ Sĩ điện hương.

Khi Lễ Sĩ điện dâng hoa lên nội nghi (tại cung Đạo) thì vị Chánh Phối Sư phái Ngọc tiếp lấy bình hoa lên đứng phía sau ngai của Ngọc Chưởng Pháp, ngó ra phía Hiệp Thiên Đài đưa cao ngay trán trình cho chức sắc và tín đồ biết để dâng lời cầu nguyện.

Khi dâng rượu thì vị Chánh Phối Sư phái Thượng tiếp lấy chung rượu lên trình như Ngọc Chánh Phối Sư, nhưng đứng sau ngai Giáo Tông.

Khi dâng trà thì Chánh Phối Sư phái Thái tiếp lấy chung trà lên trình như Ngọc và Thượng Chánh Phối Sư, nhưng đứng phía sau ngai Thái Chưởng Pháp.

C. Sự khác biệt về nghi tiết cúng Tiểu Đàn và Đại Đàn

1. Tại Tòa Thánh

Tiểu Đàn khác với Đại Đàn ở những điểm sau đây:

- Nhạc đờn 3 bài (thay vì 7 bài hoặc 5 bài như trong các kỳ Đại Đàn)
- Lễ Sĩ không đăng điện.
- Không lập ngoại nghi.
- Không đi hoán đàn.

2. Tại Thánh Thất

Tiểu Đàn tại Thánh Thất khác Đại Đàn ở những điểm sau:

- Nhạc đờn 3 bài thay vì 7 bài hoặc 5 bài.
- Lễ Sĩ không đăng điện.
- Không lập ngoại nghi.

D. Cúng Đàn tại Điện Thờ Phật Mẫu

Khi vào châu lễ Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng tại Điện Thờ Phật Mẫu, tất cả mọi người đều mặc áo dài trắng, khăn đóng đen đối với nam phái; nữ phái mặc áo dài trắng thường, đầu cho chức sắc cũng vậy.

Về phương diện hình thức, nơi đây không còn phân biệt phẩm tước, mọi người đều bình đẳng, ai đến trước

quì trước, đến sau quì sau.

1. Cách Nhập Đàn

Đúng giờ cúng, Lễ viện đổ 3 tiếng Đại Hồng Chung và đọc kệ lần thứ nhất như sau:

- . Văn chung khấu hướng, huệ trưởng càn khôn. (*dọng một tiếng chuông*)
- . Pháp giải chúng sanh đồng đẳng bỉ ngạn. (*dọng một tiếng chuông*)
- . Ân đà ra để dạ ta bà ha. (*dọng một tiếng chuông*)

Kệ chuông vừa dứt chư thiện nam tín nữ sắp đặt chỉnh tề, nam thì sắp hàng bên bàn thờ chư chơn linh nam phái, nữ thì sắp hàng hai bên bàn thờ Đức Phật Mẫu và chư chơn linh nữ phái.

Chuông đổ lần thứ hai, cũng 3 tiếng với các câu kệ như sau:

- . Nhứt vi u ám tất giai văn.
- . Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác.
- . Ân đà ra để dạ ta bà ha.

Dứt mỗi câu dọng một tiếng Đại Hồng Chung.

Khi tiếng chuông cuối cùng vừa dứt tất cả xá đàn một xá, bước vào trong sắp thành hàng ngũ lên bàn thờ.

2. Nhạc Tấu Huân Thiên

Nhạc đờn 5 bài dứt, Lễ viện khấn chuông mọi người kính ba xá quì xuống.

3. Mật niệm Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng

(Nhớ là không có lấy dấu Phật, Pháp, Tăng). Niệm như sau:

- . Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn (xá một xá).
- . Nam mô Cửu Vị Tiên Nương (xá một xá).
- . Nam mô Bạch Vân Động Chư Thánh (xá một xá).

4. Đọc các bài kinh sau đây:

. **Niệm Hương:**

“Đạo gốc bởi ...”

Khi đọc dứt kinh lạy 9 lạy (lạy 3 lần, mỗi lần 3 gật, mỗi gật niệm Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn)

. **Khai Kinh:**

"Biển trần khổ vơi vơi trời nước .. ."

Khi đọc dứt câu, cúi đầu chớ không có lạy.

. Phật Mẫu chơn kinh:

“Tạo Hóa Thiên huyền vi Thiên Hậu.. ”

Khi đọc dứt câu kinh lay 9 lay (lay 3 lần, mỗi lần 3 gật, mỗi gật niệm Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn).

. Dâng Tam Bửu (Hoa, Rượu, Trà)

Chú ý: Bài dâng hoa câu thứ tư phải đọc: “Cúi mong Phật Mẫu rưới ân thiên” thay vì đọc “Cúi mong Thượng Đế rưới ân thiên”.

Dứt mỗi bài thài lay 9 lay (lay 3 lần, mỗi lần 3 gật, mỗi gật niệm Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn).

5. Sớ Văn thượng tấu

Đọc sớ và đốt sớ xong, lay 9 lay (lay 3 lần, mỗi lần 3 gật, mỗi gật niệm Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn).

6. Ngũ nguyện

Nam mô:

Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai,
Nhì nguyện phổ độ chúng sanh,
Tam nguyện xá tội đệ tử,
Tứ nguyện thiên hạ thái bình,
Ngũ nguyện Thánh Thất an ninh.

Đọc ngũ nguyện xong, lay 9 lay (lay 3 lần, mỗi lần 3 gật, mỗi gật niệm Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn)

Đứng lên xá ba xá trở ra sắp thành hàng tam ban, nam theo nam, nữ theo nữ.

7. Kệ chuông Bải Đàn

(Y như câu kệ tại Đền Thánh và Thánh Thất, cách tụng chuông cũng y như vậy).

Xong mọi người từ từ xá Đàn trở ra.

E. Nghi tiết cúng Tứ Thời tại Tòa Thánh, Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu

1. Tại Tòa Thánh và các Thánh Thất

Ngoài các buổi cúng đại đàn và tiểu đàn nhằm vào các ngày đại lễ và tiểu lễ (ngày vía, ngày kỷ niệm các bậc chức sắc tiền bối có công lớn với Đạo, ngày mồng một, ngày rằm hàng tháng tính theo âm lịch), tại Tòa Thánh và các Thánh Thất luôn luôn có các buổi cúng hàng ngày vào các giờ:

. Tý (0 giờ khuya)

-
- . Mẹo (6 giờ sáng)
 - . Ngọ (12 giờ trưa)
 - . Dậu (18 giờ chiều)

gọi là cúng tứ thời.

Cúng tứ thời giản dị hơn cúng đại đàn và tiểu đàn, nghi tiết được tóm lược như sau:

Đến giờ cúng, Lễ vụ kê 3 câu chú đánh 3 tiếng Đại hồng Chung lần thứ nhất, chúc sắc, chúc việc và đạo hữu tuần tự vào chánh điện (nam bên tả, nữ bên hữu theo hướng từ trong nhìn ra), cũng đứng hai bên quay mặt vào nhau, sắp theo thứ tự phẩm trật. Xong Lễ vụ tiếp tục kê 3 câu chú, đánh 3 tiếng Đại Hồng Chung lần thứ hai, mọi người tiếp tục hành lễ với những động tác giống như phần trình bày ở đoạn trước. Tuy nhiên các phần nghi lễ sau đây không có trong các buổi cúng tứ thời:

- Hoán Đàn.
- Nhạc tấu huân thiên.
- Dâng tam bửu (*chỉ dâng một trong ba món và đọc một bài thài tùy theo thời cúng: thời Tý và Ngọ dâng rượu – thời Mẹo và Dậu dâng trà*)
- Chính sát cúng phẩm.
- Thuyết Đạo.

Trong lúc đồng nhi đọc kinh, có hòa tấu nhạc đệm theo.

Cúng xong, lễ vụ kê ba câu chú, khấn ba tiếng Đại Hồng Chung lần thứ ba và bãi đàn.

2. Tại Điện Thờ Phật Mẫu

Cũng như tại Tòa Thánh và các Thánh Thất, ngoài các kỳ cúng Đàn, thường nhật cũng luôn luôn cúng tứ thời vào các giờ qui định như trên.

Thể thức hành lễ cũng giống như phần trình bày ở phần D (Cúng Đàn tại Điện Thờ Phật Mẫu), tuy nhiên các phần sau đây được giảm chế:

- Nhạc tấu huân thiên.
- Dâng tam bửu (chỉ dâng một trong ba món giống như ở Tòa Thánh).
- Sớ văn thượng tấu.

Trong khi đồng nhi đọc kinh có nhạc đệm theo.

F. Thờ cúng tại tư gia

Độc giả nên xem những quyển sách sau đây:

1. Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo (Hội Thánh xuất bản)
2. Thiên bản thờ tại tư gia (Giáo Hữu Thượng Lý Thanh)

3. Ý nghĩa thờ Thiên Nhân (Hiền Tài Nguyễn Kim Anh)

G. Tại sao phải thờ cúng

Điểm khó khăn hơn hết trong vấn đề thờ cúng không phải là những nghi lễ tế tự phức tạp hay các lời kinh bằng chữ Hán khó hiểu, khó nhớ...

Thoạt nhìn người ta có thể cảm nghĩ như vậy, nhưng nghi lễ dù phức tạp đến đâu vẫn có thể quen được như một tập tục, lời kinh dù khó đến đâu đọc mãi cũng thuộc. Đó là hình tướng bên ngoài ai ai cũng làm được.

Chính nội dung, tác dụng của lời kinh tiếng kệ, những giây phút trầm tư mặc tưởng ấy có ích lợi gì cho bản thân ta khiến người tín đồ phải thực hành những nghi lễ ấy, đó mới là trọng hệ.

Đây là điểm đệ nhất khó khăn trong đời sống của người tín đồ vì nó thuộc về mặt tâm pháp bí truyền. Trong một đàn cúng có đông người tham dự, thường thì chỉ có một số rất ít người có thể cảm nghiệm được nguồn năng lực sinh động, một cái gì lung linh huyền diệu trong **“cõi sống thật”** đang phủ trùm lấy họ từ bên ngoài cả đến bên trong thân xác.

Một khi cả xác thân lẫn tâm hồn đã đắm mình trong dòng sinh lực ấy, người tín đồ đã thực sự đứng trước ngưỡng cửa của một thế giới không còn thuộc **“về cõi người ta”** nữa. Nguồn năng lực vô biên ấy không thể tả được, nhưng chỉ cần một chút xíu thôi cũng đủ làm cho những kẻ bướng bỉnh nhất trên thế gian này thay đổi cuộc sống của họ một cách trọn vẹn. Nhưng không phải ai ai cũng dễ dàng khám phá được.

Một khi đã thực sự sống trong thế giới Thần Tiên ngay bên cạnh **“cõi người ta”** này thì người tín đồ không còn tâm trạng sợ hãi nữa, trái lại với sự tưởng tượng của những kẻ mà đời sống đắm chìm trong tục lụy, ngồi ở đây mà tưởng tượng về vời ra **“thế giới bên kia”** mà thực sự họ chưa từng sống ở đó một phút giây nào cả.

Tôi xin nhắc lại lời nói của Thánh Giảng cánh đây gần hai ngàn năm:

“- Người nào đã cảm giác được cái tinh thần thiêng liêng của Đấng Chí Tôn không thể làm lẫn, nghi ngờ hoặc phủ nhận nó. Ôi! Thế gian, ví như các người có đồng thanh phủ nhận Ngài, ta thà từ bỏ thế gian và giữ vững đức tin của ta” (*Chơn sư và Thánh Đạo. Leadbeater. Nguyễn Hữu Kiệt dịch*).

Các bậc chơn tu xưa nay đã nói rất nhiều về đời sống Thần Thánh này nhưng khốn nỗi chính các Ngài cũng không có quyền muốn đem cho ai thì cho **“nguồn sống vạn năng”** ấy dù chỉ một chút xíu thôi. Đó định luật tất yếu trong càn khôn vũ trụ.

Các Ngài sẵn sàng cho khối gia tài thiêng liêng ấy đến tất cả mọi người, nhưng mà nắm lấy được hay không là do ở chính mình. Thành thử kết quả sau cùng là các Ngài không trọn quyền ban cho ai tùy thích được.

Đó là một định luật công bình, của báu không bán nài và cũng chẳng phải của riêng ai được quyền nắm giữ dù họ là giáo chủ đi nữa.

Thờ cúng là một trong những cách làm cho thần trí của người tín đồ quen chủ định để dẫn thân xác đến gần thế giới thần linh. Rồi đến một lúc nào đó cả hành vi, tư tưởng, lời nói của người tín đồ đã hiển hiện là những “người Thần”, “người Thánh” trước mắt mọi người thì tự nhiên cánh cửa “thế giới vô hình” sẽ mở hoát ra như một định luật của hữu vô đồng nhất mà người đạo giáo thường gọi là thể pháp và bí pháp tương liên mật thiết với nhau.

Thần, Thánh, Tiên, Phật không phải là những vị mà con người có thể cầu khẩn, van xin đút lót của hối lộ theo kiểu thường làm ở thế gian.

Nghi lễ thờ cúng chỉ là những hình tướng biểu lộ bên ngoài của một nội tâm kính trọng và ý muốn cầu thân cùng các Đấng Thiêng Liêng. Dấu hiệu tỏ lộ bên ngoài có thể bắt chước được.

Hình tướng bên ngoài ấy dùng để dắt dẫn tâm linh nên nó phải thay đổi cho phù hợp với phong tục tập quán và trình độ tấn hóa của con người.

Nghi lễ các đạo giáo vì vậy khác với nhau mới thích ứng được với mọi người, chớ còn bên trong, cái khổ, cái sướng hay niềm an lạc trong tâm hồn của con người thì tự cổ chí kim ai cũng như ai.

Thực hành những nghi lễ thờ cúng là để tìm về chỗ thuần nhất ấy, và khi đạt đến rồi thì người không còn phân cách với người nữa, người cũng không còn phân cách với Trời, Phật hay Thần, Thánh nữa.

Đó là lý do sau cùng khiến người tín đồ phải để tâm đến việc thờ cúng. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có giảng cơ chỉ dạy như sau:

“Các em phải lo cúng kiến thường:

- . Một là tập cho chơn thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng đặng sáng lạn.
- . Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.
- . Ba là có tế lễ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự nhiên.
- . Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhưt là khiếu lương tri, lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mẫu huệ”. (*TNHT QII. 1969. Tr 87*)

Sự ngộ nhận ở chữ nghĩa trong kinh điển về lời cầu nguyện, vái van, xin tha thứ tội tình, đã làm cho người ta tưởng chừng như

các Đấng Thiêng Liêng cũng có nhân cách biết thương yêu, ghét giận như phạm nhân vậy. Sự thật không phải thế, chẳng phải vì lời cầu khẩn, những tiếng nói xin xỏ ấy thốt ra mà các Đấng thương tình tha thứ, nhưng chính vì tâm hồn của con người trong giờ phút ấy đã mở rộng cửa đón nhận các Đấng Thiêng Liêng mà các Đấng thì hằng có mặt khắp nơi, nên khi mở cửa tâm hồn thì đương nhiên gặp, tức là cảm ứng được.

Cũng như bầu sương lam đang phủ trùm cả núi rừng, bác tiểu phu mở cửa lều thì tự nhiên sương tràn vào. Tại hành động mở cánh cửa ra, chứ không phải tại lời nói của bác tiểu rằng “tôi mở cửa”, tại cái “khoảng trống” không còn ngăn cách giữa phần trong nhà và bên ngoài mà sương tràn vào và cái nhà đầy sương. Sương và nhà lúc bây giờ là một. Sương ở trong nhà và nhà ở trong sương.

Ấy vậy thờ cúng không phải là việc mê tín hay dấu hiệu của những tâm hồn yếu hèn mà mê tín, yếu hèn là tại mình hiểu sai và làm sai vậy.

Cho nên sự thành tâm và đúng cách, nghĩa là đúng pháp, rất cần thiết trong việc thờ cúng, bằng chẳng vậy thì đâu có cúng lạy suốt đời cũng chỉ làm mọi cho khỏi nhang, cũng hoài công vô ích.

6. Cúng Tứ Thời

Thờ cúng là một sinh hoạt thường nhật trong đời sống của người tín đồ Cao Đài. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy phải siêng năng cúng kiến cho thường với những lý do:

- Một là tập cho chơn thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng đặng sáng lạn.
- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.
- Ba là có tế lễ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự nhiên.
- Bốn là tâm có cảm thì lòng bái ái mới mở rộng, mà nhưt là khiếu lương tri lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mẫn huệ. Các em nhớ à". (TNHT. QII.1969-trg 87)

Tuy nhiên không phải ai ai cũng dễ dàng đạt đến bốn mục đích trên đây. Hương đăng trà quả, bần thờ, tiếng chuông, tiếng mõ hay cúi đầu đánh lễ tất cả chỉ là hình tướng bên ngoài gọi là thể pháp của Đạo.

Điều trọng yếu hơn hết là phải biết nương nhờ vào thể pháp ấy đặng đạt đến bí pháp huyền linh là sức sống tâm linh ẩn tàng bên trong. Vậy bí quyết ấy là gì? Ở đâu có?

A. Bí pháp cúng Tứ Thời

Trong phép cúng tứ thời hằng ngày tại tư gia hay nơi công cộng như Đền Thánh, Đền Thờ Phật Mẫu... mục đích là để tập cho mình quen gom thần định trí, nghĩa là tư tưởng phải chú định được vào một cái gì đó thôi.

Chỗ chú định ấy thường là:

- Lời kinh
- Hoặc hình Thiên Nhân
- Hoặc ý không muốn nghĩ gì cả.

Thật sự trong buổi đầu tâm trí của người tín đồ chưa sống được với trạng thái trống vắng hoàn toàn, vì vậy chỉ yêu cầu gom về điểm một là được. Sau đó mới lần đến chỗ ngừng nghĩ tư duy phàm tục, đón nhận ánh sáng nội tâm tự phát nhip nhàng với sự trợ thần của các Đấng Thiêng Liêng.

Song đó chỉ là thuật điều chỉnh tư tưởng mà thôi, chỗ yếu nhiệm song song kể đó là trong tâm mình phải có đức tin và lòng trông cậy vào quyền năng của Bát Quái Đài.

Không có đức tin có nghĩa là không sống thực với lòng mình thì sự tập trung tư tưởng cầu nguyện, lễ bái không có thần lực của mình phát ra cao độ cũng như máy thu thanh thiếu điện đương nhiên không có cảm

ưng, cúng lạy suốt đời cũng chỉ lòng vòng với hình tướng mà thôi không có bí pháp ứng hiện.

"Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp..."

Khi bắt đầu đọc kinh đã có sự nhắc nhở như vậy. Có đức tin mới có lòng thành khẩn và sự kính trọng thật sự trong tâm. Không tin, không kính thì sự kính trọng làm ra vẻ bề ngoài và những lời vái van lấy lệ trên đầu môi chót lưỡi chỉ là giả tưởng mà thôi, xét trên quan điểm cao tầng huyền linh quả nhiên như vậy, tuy rằng lời thật hay mất lòng.

Tóm lại cúng kiến, cầu nguyện phải đúng với chơn pháp và phải có đức tin mãnh liệt mới có ấn chứng tâm truyền khi mình đủ công đức.

B. Đọc kinh cầu lý

1. Ý nghĩa

Đọc kinh cần phải hiểu ý nghĩa của lời kinh vì lý trí có hiểu đặng ý nghĩa mới điều khiển thân xác hành động theo chánh tín đặng. Quan niệm sống của người tín đồ thể hiện qua tư tưởng và hành động của họ, không hiểu ý nghĩa lời kinh việc sùng tín dễ rơi vào mê tín dị đoan và lòng nhiệt thành hăng say vì Đạo dễ bị lạm dụng không đúng chỗ.

Ý nghĩa lời kinh trong các tôn giáo thường diễn tả vũ trụ quan và nhân sinh quan của nền triết lý đạo giáo ấy. Việc cầu lý bao gồm từ thấp đến cao, tùy theo căn cơ và trình độ của mỗi cá nhân người giảng và nghe, cần có những hình thức diễn giảng khác nhau mới đáp ứng đủ mọi trình độ hiểu biết của nhơn sanh.

Triết lý của Tam Kỳ Phổ Độ tổng hợp tinh hoa các giáo thuyết đông tây kim cổ gọi là Qui Tam Giáo hiệp Ngũ Chi nên chúng ta không lạ gì khi thấy, chẳng hạn một vấn đề ăn chay thôi mà lý giải của nó do những người đi trước truyền đạt cũng không đồng nhất.

Người truyền giáo hiểu đến đâu thì diễn giảng theo mức ấy và người nghe tùy trình độ nhận thức của mình cũng hiểu và tin vấn đề một cách khác nhau. Tinh thần tổng hợp chấp nhận tất cả những sự khác biệt ấy đều hữu dụng cho nhơn sanh tùy căn duyên của mỗi người.

Cũng lẽ ấy mà về hình thức nghi lễ tất cả các vị giáo chủ cổ kim đều được tín đồ Cao Đài thờ chung trên một bàn thờ dù trước kia chủ trương hành động của họ đối với cuộc đời không đồng nhất khi độ rỗi nhơn sanh.

Về phương diện cầu lý phương tu của người tín đồ Cao Đài chủ trương làm người phải tìm hiểu lý đạo sâu xa sửa lòng mình cho trong sạch khi tụng kinh.

Làm người rõ thấu lý sâu,
Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh Kinh. (*Trích bài Khai Kinh*)

Trong Tân Luật điều thứ hai mươi ba, Chương VI ghi rõ trong Đạo sẽ mở trường dạy chữ và dạy Đạo. Dạy Đạo là giảng dạy về môn giáo lý Cao Đài trong học đường.

Điều mong ước ấy của các bậc tiền bối đã ghi thành luật nhưng trên thực tế chẳng thực hiện được bao nhiêu hầu đáp ứng nhu cầu tìm hiểu lý Đạo cho lứa tuổi thanh thiếu niên.

2. Các hình thức cầu lý

Để tìm hiểu ý nghĩa của lời kinh, thông thường người ta áp dụng những hình thức sau đây:

a) Truyền giảng trực tiếp bằng lời nói giữa người và người, mặt đối mặt với nhau:

Hình thức này trong Đạo Cao Đài gọi là thuyết đạo, thường thấy trong các đàn cúng do chức sắc hay chức việc thực hiện khi vừa mãn lễ trước số đông tín đồ tham dự đàn cúng vào các ngày sóc vọng hay lễ vía hoặc ngày thường.

Hình thức này truyền thụ kiến thức một chiều giữa người nói và người nghe. Đôi khi cũng có những buổi thuyết giảng ngoài giờ cúng trong đó người nghe có cơ hội nêu thắc mắc để được giải đáp hay thảo luận.

b) Dùng phương tiện sách báo, phim ảnh, băng ghi âm, làn sóng điện truyền thanh truyền hình để truyền bá đạo lý trong đó có ý nghĩa lời kinh. Người giảng chỉ nói một lần và lời nói hay văn tự được giữ lại để truyền đạt cho tín đồ nhiều lần về sau.

c) Hình thức học hỏi bằng cách thông công hay tham thiền: sinh hoạt loại này thuộc cao cấp và có nhiều nguy hiểm. Các Đấng Thiêng Liêng trợ thần cho người tìm hiểu tự khám phá lấy hoặc giảng dạy trực tiếp trên chơn thần bằng âm thanh hay hình ảnh về ý nghĩa của lời kinh và những vấn đề khác.

Trong bước đầu tu học người tín đồ nên áp dụng hai phương thức trước để dè dặt hơn. Nghe giảng, đọc sách, tham khảo, tra cứu, tự tìm tòi bằng lý trí bình thường của mình ngoài giờ cúng là lối học hỏi để có kết quả.

Có nhiều người đốt giai đoạn dùng giờ cúng tứ thời để suy ngẫm ý nghĩa lời kinh tiếng kệ trong khi thần trí chưa quen an tĩnh kết quả chỉ là tình trạng đi rong của tư tưởng về văn từ nghĩa lý từ câu này sang câu khác, không đạt đến kết quả cao đẳng và dễ bị mỏi mệt thần kinh.

Đành rằng Thái Tử Sĩ Đạt Ta đã thành công nhờ thiền định nhưng khi chúng ta chưa đạt đến tình trạng tấn hóa như Ngài nên áp dụng phương pháp tu học từ thấp lên cao hay hơn chạy nhanh rồi vấp ngã.

7. Làm Công Quả

A. Định Nghĩa

Thế thường người ta vẫn quen gọi đi làm công quả là đi làm công việc cho nhà Chùa, Thánh Thất hay một cơ quan từ thiện và không nhận lương bổng hay thù lao gì sau khi làm công việc đó.

Phân tách hiện tượng này chúng ta thấy hai tiếng công quả bao hàm những tính chất sau đây:

Công việc làm có tính cách tự nguyện

Đi làm việc cho nhà Chùa hay cơ quan từ thiện, hành động đó hoàn toàn do ý muốn của mình, khác hẳn với công tác đi làm xâu mà nhà nước cai trị trước đây thời Pháp thuộc thường hay bắt dân làng đi công tác đắp đôn lũy, đốn cây phá rừng, mở đường... cũng không nhận thù lao, nhưng do sự cưỡng bách của quyền lực, nghĩa là không làm sẽ bị một hình phạt nào đó.

Không vì tư lợi cá nhân

Ý nghĩa rõ rệt nhất biểu lộ trong hành động người đi làm công việc không hưởng một khoản lương bổng hay thù lao nào sau khi hoàn tất công việc. Chẳng những người làm công quả không nhằm đến mục đích thu lợi cho cá nhân mình mà họ còn muốn công việc làm của họ không bị kẻ khác lợi dụng. Họ muốn rằng hành động của họ phải là sự hy sinh đúng nghĩa, đúng chỗ, nghĩa là nhơn sanh phải hưởng nhờ tiện ích do công việc làm của họ tạo nên.

So sánh hành động làm công quả cho nhà Chùa với công việc làm của một người lao công cho một ông chủ hãng buôn không nhận thù lao, chúng ta thấy có sự khác biệt rõ rệt, một đằng nhắm tới lợi tức của một người là ông chủ hãng, một đằng nhắm tới lợi ích của nhiều người tức là nhơn sanh nói chung.

Nhà Chùa, Thánh Thất, Đình, Miếu, Nhà Thờ hay các cơ quan từ thiện xã hội là những tổ chức mà mục đích là phụng sự cho nhơn sanh chớ không phụng sự cho quyền lợi tư riêng của người đang cầm quyền làm chủ. Dù cho trên thực tế, những tổ chức này có bị lợi dụng vào mục đích tư lợi cho cá nhân đi nữa, việc ấy xảy ra trong bóng tối chớ ý nghĩa của những tổ chức này vẫn là không vì tư lợi cho cá nhân.

Do đó người ta mới tìm đến các tổ chức tôn giáo, từ thiện để làm công quả, ý nghĩa của sự tìm tới này là muốn rằng hành động của họ không bị lợi dụng.

Ý hướng tu hành

Người làm công quả mang ý hướng tu hành trong tâm tư của họ, đôi khi chính họ không nhận thức được rõ rệt ý hướng này, nhưng bao giờ cũng cảm thấy tính chất thiêng liêng cao thượng trong hành động đó.

Họ làm việc với tất cả tâm thành, ý vẹn trong niềm tin rằng hành động của họ sẽ được Thần linh chứng giám, hoặc nếu không rõ rệt như vậy cũng tin tưởng rằng sẽ được đền bù tương xứng theo đúng luật công bình, khách quan, vô tư và tự nhiên.

Lẽ dĩ nhiên luật công bình thiêng liêng ấy phải khá hơn luật công bình của tòa án và cảnh sát do các nhà cai trị tạo nên. Do đó tâm trạng của người làm công quả tìm đến nhà Chùa thường ở trong những trường hợp sau đây:

- . Hoặc để sám hối ăn năn về một việc lỗi lầm nào đó và họ muốn lập công chuộc tội.
- . Hoặc để tìm sự yên ổn trong tâm hồn, tránh sự buồn chán tuyệt vọng vì một sự thất bại nào đó.
- . Hoặc để tạo những nguyên nhân tốt hầu ngày sau được đền bù bằng những phần thưởng xứng đáng mà họ may mắn gặp trong cuộc sống, tức là có ý hướng cầu phước.
- . Hoặc hơn cả các trường hợp trên đây, họ làm việc vì đã ý thức được thiên chức của mình, vì sự thức tỉnh

hay giác ngộ thì chung qui cũng do niềm tin vào định luật tấn hóa tự nhiên của Trời Đất. Ý hướng tu hành trong trường hợp này mới là siêu đẳng.

B. Tại sao phải làm công quả

Ngay từ buổi khai Đạo có nhiều người khi vừa thức tỉnh giấc mộng trần ai, tâm hồn liền hóa ra chán ngán cảnh thế tình, muốn bỏ hết chuyện nhơn sự tìm chỗ yên thân tu luyện những mong thành Tiên, hóa Phật cho cá nhân mình. Đức Chí Tôn liền ngăn cản và dạy phải làm công quả trước tiên:

“- Trong các con có nhiều đứa lầm tưởng hễ vào Đạo thì phải phứt hết nhơn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thời là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện Đạo.

Thầy nói cho các con biết nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao. Các con phải hiểu Thánh ý Thầy mà trau giồi chí lớn. Dầu đi lối nào cũng phải cần cái đèn thiêng liêng chiếu rõ mới đặng vững bước.

Làm Vua, làm thầy, làm công nghệ, làm đạo sĩ cũng cần phải có cái chí lớn mới mong thành tựu đặng. Các nghề dưới thế không có nghề nào là vô dụng, mà vô dụng là tại người không chuyên vậy”. (TNHT QI. 1969. trg.101-102)

Đức Chí Tôn lại còn xác nhận rằng lập Tam Kỳ Phổ Độ này, Ngài đã mở một trường thi công quả cho nhơn sanh đến mà tranh thủ địa vị, Ngài dạy:

“- Thầy hằng nói cùng các con rằng một trường thi công quả các con muốn đến đặng nơi cực lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi”. (TNHT QI. 1969. trg.34)

Rồi Ngài lại chỉ cho cách làm công quả là phải độ rỗi chúng sanh:

“- Thầy đã đến chung cùng với các con, các con duy có tu mà đắc Đạo, phải đoái lại bá thiên vạn ức nhơn sanh còn phải trầm luân nơi khổ hải chưa thoát khỏi luân hồi, để lòng từ bi mà độ rỗi”. (TNHT QI.1969. trg.34)

Ngài lại dạy rõ: ít nữa mỗi tín đồ phải độ đặng 12 người.

“Hễ bao nhiêu môn đệ độ rỗi của mỗi đứa thì là họ hàng của mỗi đứa. Hiểu à! Chừng ấy về đến Bạch Ngọc Kinh thì gia tộc mỗi đứa đều phân biệt, nếu chẳng độ rỗi thì về với hai tay không.

Còn chư môn đệ đã lập minh thệ rồi ngày sau tùy âm chất mỗi đứa mà thăng hay là tội lỗi mà giáng, song buộc mỗi đứa phải độ cho đặng ít nữa là 12 người”. (TNHT QI.1969. trg.42)

Tuy vậy nhiều tín đồ vẫn còn sùt sè chưa dám dấn thân tích cực. Đức Chí Tôn lại dạy về sự công bình của Tạo Hóa buộc rằng nếu không lập được công quả tại thế gian này thì địa vị Thần, Thánh, Tiên, Phật đâu có thương cũng không ban cho được.

“- Thầy đã nói cho các con hay trước rằng: nếu các con không tự lập ở cõi thế này là cái đời tạm của các con thì Thầy cũng không bằng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng. Ấy vậy cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó”. (TNHT QI.1969. trg.105)

Về sau Đức Phạm Hộ Pháp có giảng rõ về vấn đề tự lập này là phải lập công, lập ngôn, lập đức và coi đó như là ý nghĩa của đời sống con người. Mỗi người đều phải có đủ tam lập ấy mới tròn thiên chức làm người, khi chết linh hồn sẽ trở về cảnh thiêng liêng hằng sống.

Ấy là gia tài, là sự nghiệp thiêng liêng của mỗi người phải biết tạo ra mới có được. Bởi vì:

“Người ở thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo phải có công quả”. (TNHT QI. 1969. trg.27)

8. Kinh Thế Đạo

A. Giới thiệu các bài kinh

Ngoài các bài kinh Thiên Đạo đọc trong các thời cúng tại Thánh Thất hay tư gia mà nội dung ca ngợi công đức của các Đấng Trọn Lành hay kêu gọi đến năng lực thần bí của thế giới thần linh, để hỗ trợ cho các pháp bửu bí truyền được ứng hiện linh diệu, người ta nhận thấy còn có rất nhiều bài kinh gọi là Kinh Thế Đạo, dùng để đọc trong những dịp sau đây:

1. Tang tế

Thí dụ bài kinh dùng để tỏ cái tình, cái nghĩa của người còn sống với kẻ quá cố. Thuộc loại này, nghi lễ Cao Đài đã có những bài kinh sau đây:

- Kinh tụng khi vua thăng hà.
- Kinh tụng khi thầy qui vị.
- Kinh cầu tổ phụ qui liểu.
- Kinh tụng cha mẹ qui liểu.
- Kinh cầu bà con cố hữu qui liểu.
- Kinh tụng huynh đệ mãn phần.
- Kinh tụng khi chồng qui vị.
- Kinh tụng khi vợ qui liểu.

Lời lẽ trong bài kinh khác nhau tùy theo mối liên hệ giữa người quá cố và kẻ sanh tiền, nhưng nội dung có điểm tương đồng là ca ngợi công ơn của người đã chết, nhắc nhở vong linh luôn luôn nhớ đến Đức Chí Tôn, và sau cùng là lời cầu khẩn cùng Đức Ngài từ bi cứu độ.

2. Hôn phối

Chỉ có một bài kinh duy nhất gọi là kinh Hôn Phối đọc tại Thánh Thất khi đám cưới được Hội Thánh nhìn nhận hợp pháp và có chức sắc làm phép Hôn Phối.

3. Nhóm họp

Trong các buổi họp đông người, hoặc để thuyết pháp cũng có các bài kinh như:

- Kinh nhập hội đọc lúc khai mạc buổi họp.
- Kinh xuất hội đọc vào lúc bế mạc buổi họp.
- Kinh thuyết pháp đọc trước khi giảng đạo, thuyết pháp.

4. Các hoạt động thường ngày

Xen vào các hoạt động thường ngày như ăn ngủ, đi đứng có bài kinh sau đây:

- Kinh thức dậy.
- Kinh đi ra đường.
- Kinh khi về.
- Kinh vào ăn cơm.
- Kinh khi ăn cơm rồi.
- Kinh khi đi ngủ.

Và sau cùng là bài kinh cứu khổ dùng để đọc trong những dịp bất thường, khi người tín đồ cần kêu gọi đến năng lực của Thần linh giúp họ vượt qua vài trở ngại nào đó trong cuộc sống, mà xét ra lời yêu cầu rất nên chánh đáng.

Tất cả các bài kinh này đều có trong quyển “Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo” do Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh xuất bản.

B. Cách áp dụng

Có một điều lầm lẫn rất tai hại là người ta vẫn thường cho rằng các bài kinh Thế Đạo liên quan đến các hoạt động thường ngày như ăn ngủ, đi đứng... chỉ áp dụng cho trẻ con mà thôi, còn người lớn thì đã “hiếu đạo” rồi.

Đành rằng khi người ta đã thấm nhuần tư tưởng cao siêu trong các bài kinh ấy và đã thật sự sống với những điều mà tư tưởng ấy muốn diễn tả, thì hình thức đọc kinh có lẽ cũng không còn cần thiết nữa.

Kẻ đã qua sông được thì cần gì phải mang chiếc bè trên lưng, thế nhưng nhìn kỹ lại trong hàng tín đồ có bao nhiêu người có được trình độ tâm linh như vậy? Phải thành thật thú nhận rằng có rất ít người đạt đến mức độ ấy sau nửa thế kỷ truyền giáo.

Cho nên sự áp dụng một cách nghiêm chỉnh những bài kinh Thế Đạo vẫn cần thiết và rất cần thiết như cơm ăn, áo mặc hằng ngày vậy.

Đọc kinh chỉ là làm thế pháp mà thôi, cần đạt đến nội dung là cái tác dụng của lời kinh ấy giúp ích được gì cho tâm hồn của chúng ta lắng đọng những tư tưởng trần tục và khơi dậy những tư tưởng thanh cao thánh triết.

Cho nên nếu người tín đồ chịu khó suy nghiệm sẽ thấy các áp dụng như sau:

. Đối với trẻ con cần có sắc tướng âm thanh rõ rệt chúng mới hiểu được nên cần phải đọc ra lời, lại nữa cũng là phương bắt chúng học thuộc lòng.

. Còn đối với người lớn thì chỉ đọc trong trí mà thôi, nghĩa là tâm mình tưởng đến những lời kinh trước khi ăn cơm, sau khi ăn xong, trước khi nhắm mắt ngủ, khi vừa tỉnh giấc, khi đi ra đường, khi trở về nhà. Phương thức này áp dụng được cho tất cả mọi người, mọi nơi, mọi lúc...

Bên ngoài dường như không ai hay biết gì cả về thế giới nội tâm sinh động của mình. Chỉ thoáng mấy giây đồng hồ chúng ta có thể tưởng xong một bài kinh, nghĩ cũng chẳng khó gì, mà ít ai làm được!

C. Tác dụng tâm lý và thần quyền

Có lẽ nguyên nhân chính của sự lười biếng này là người tín đồ không hiểu rõ, và cũng không được chứng nghiệm về tác dụng hữu ích của lời kinh tiếng kệ, do đó không có đức tin vững mạnh đối với Thần linh, những bậc chơn tu đều có một niềm thương xót vô biên đối với chúng sanh khi thấy họ không hiểu gì về thế giới thần linh cả.

Muốn nắm tay dẫn đến tận nơi, vén bức màn thiêng liêng chỉ cho ngó thấy tận mắt, sợ e vì kinh hải mà loạn thần hóa ra ngây dại, còn dùng lý lẽ mà nhủ khuyên thì lý cãi lý già đời không hết.

Nếu biết rằng người có xác và hồn, xác biết ăn còn hồn chẳng biết ăn sao? Xác biết lựa món ăn ngon còn hồn chẳng biết món ăn ngon sao? Chẳng lẽ xác biết lựa cao lương mỹ vị cho béo bổ khỏe mạnh còn hồn thì cho nó ăn những tư tưởng thấp hèn, oán ghét, thù hận, đố kỵ, tham lam, ích kỷ hay sao? Vậy mà con người vẫn thường hay đắm mình trong những tư tưởng hắc ám ấy.

Muốn xua đuổi những tư tưởng oán thù, tham lam, ích kỷ... ra khỏi tâm thần người tín đồ, các bậc Thánh hiền đã đặt ra các bài kinh Thế đạo để ngày ngày áp dụng dường như có một người nhắc nhở bên tai mình vậy. Không chịu áp dụng thì kể như không còn ai nhắc hết.

Nghĩ về điều tốt tức là không nghĩ về điều xấu, ít ra cũng trong khoảnh khắc nào đó, rồi những tư tưởng thiện ấy sẽ từ từ hướng dẫn thể xác có những hành động lành. Ấy là một cái phép của Trời đất, phải tập cho con người có suy nghĩ tốt trước đã, rồi ý nghĩ ấy sẽ dẫn dắt hành động trở nên tốt. Tác dụng tâm lý rõ ràng như vậy, muốn cùng chẳng muốn là tại mình làm mà thôi.

Về phương diện thần quyền chúng ta há chẳng thường thấy có những người mà tinh thần bạc nhược, lờ đờ, uể oải, hiện rõ trên nét mặt... người đời chẳng từng gọi họ là những kẻ “không hồn” hay sao?

Chẳng cần phải luận giải chi dài dòng về việc linh hồn có hay không, vậy chớ thực thể sinh động nào làm cho cái xác của con người biết chựa quậy và khôn ngoan, làm cho chúng ta phân biệt được giữa một tử thi và một con người sống?

Chúng ta coi đó là dấu hiệu, là chứng tích của một chơn thần đang ngự trị trong xác thân. Người đời vẫn thường gọi linh hồn là tất cả những gì của con người khác hơn phần xác chết của họ. Phần linh hồn ấy sẽ

rời khỏi xác thân vào lúc mà người ta gọi là chết, và người sống có giao tiếp với nó được. Thuật cầu cơ chấp bút trong Cao Đài được xây dựng trên nền tảng này, người sống có thể thông công với người chết (dĩ nhiên với một số điều kiện nào đó không mấy dễ dàng).

Kết quả của sự thông công này là Đạo Cao Đài được thành hình. Linh hồn của thi hào Lý Bạch, của Thái Tử Sĩ Đạt Ta, của Khổng Tử, Lão Tử, của Jesus Christ, của Victor Hugo, của Tôn Dật Tiên, Trạng Trình, và biết bao nhiêu người khác nữa mà danh tánh dường như xa lạ, đã đến để nói chuyện với người tín đồ Cao Đài, làm chứng rằng thế giới vô hình có thật và linh hồn bất tử.

Tất cả những vị này đều kính nhường một Đấng mà người ta gọi là Ông Trời, là Thượng Đế, là Đức Chí Tôn. Rồi chính mình Đức Chí Tôn cũng đến nói chuyện với loài người nữa.

Bây giờ chỉ còn vấn đề là con người có chịu đặt mình trong mối tương giao mật thiết với Thượng Đế và Thần linh hay không?

Tôi sẽ không bao giờ nói chuyện với bạn nếu tôi nghĩ rằng bạn không có mặt ở trước tôi, hay ít ra sự hiện hữu của bạn không có trong tâm giao tiếp của tôi.

Đối với Thượng Đế hay Thần linh cũng vậy, người tín đồ sẽ không thể nào cảm ứng được nếu họ không tin rằng có các Đấng ấy trong thế giới vô hình.

Đức tin là đầu mối, là điều kiện tối quan hệ để thiết lập tương giao giữa người và Thần linh, ý nghĩa sau cùng của đạo giáo là đặt đời sống con người trong sự hòa hợp với siêu nhiên, và quyền lực tối trọng kia được mô tả bằng hai tiếng “Thượng Đế”.

Thượng Đế và Thần linh sống động, luôn luôn ảnh hưởng trên đời sống trần tục của con người, và nếu con người thiết lập được tương giao với các Đấng ấy, đời sống của họ sẽ đi đúng trong thiên cơ và sẽ đảm bảo cho họ chân hạnh phúc.

Vì vậy đức tin là điều cần phải củng cố trước tiên, vì người ta không thể tin mà không có chứng nghiệm. Sự cầu nguyện và đức tin sẽ giúp người ta có được những chứng nghiệm, một vài lần trong cả tháng hay đôi khi cả năm, còn quá ít nếu không nói là không đủ để bắt gặp đời sống của các Đấng Thiêng Liêng. Ti như chiếc radio bỏ túi với vài cục pin bé nhỏ làm sao có thể bắt được những làn sóng điện của anh phi hành gia từ cung trăng gửi về.

Phải có một đức tin rất mạnh mới chứng nghiệm được thế giới vô hình, và một khi đặt mình trong mối tương giao ấy, đời sống của người tín đồ sẽ trở nên phi phạm.

Tác dụng thần quyền của những bài kinh Thế Đạo là để buộc tâm, thần người tín đồ luôn luôn hướng về Đức Chí Tôn cao cả, lòng chân thành và tư tưởng của họ là những tín hiệu gọi đến Thần linh lời cầu xin giúp đỡ.

Mối tương giao thiết lập được thì hai thực thể hữu vô sẽ là một. Người tín đồ sẽ trở thành “người Thần”, “người Thánh”, “người Tiên”, “người Phật” trong tất cả mọi hành động của họ, lúc ăn, lúc ngủ, lúc thức, lúc đi ra đường, lúc trở về... họ luôn luôn phối hợp với Thần linh trong mọi hoạt động và những tín hiệu ấy phải được đánh đi đều đều thì hai thực thể mới không tách rời nhau. Đó cũng là ý nghĩa của tiếng Phật

Trời phò hộ, hay ban ơn vậy.

9. Đời Sống Hôn Nhân

A. Luật về Hôn Phối

Hôn phối là việc rất hệ trọng trong đời người, thiết nghĩ ai cũng biết điều đó, nhưng không phải ai cũng đủ khôn ngoan, sáng suốt khi quyết định về hôn nhân.

Bởi vậy ngoài yếu tố tình yêu, tâm lý của gia đình rất nhiều người còn tìm đến những nhà bói toán để xem tuổi với hy vọng sẽ gặp được người phối ngẫu thích hợp với mình. Sự việc bói toán đúng hay sai không bàn nơi đây, nhưng ghi nhận ý nghĩa trong hành động tìm đến bói toán như là một sự đắn đo trước khi quyết định vì đã ý thức được sự quan trọng của hôn nhân.

Luật Đạo Cao Đài buộc phải chọn người phối ngẫu cùng trong tôn giáo.

“Việc hôn là việc rất quan trọng trong đời người. Phải chọn hôn trong người đồng đạo, trừ ra khi nào người ngoài ưng thuận nhập môn thì mới kết làm giai ngẫu”. (*Điều 6. Chương Thế Luật. Bộ Tân Luật*).

Vấn đề này vẫn gây nhiều thắc mắc cho các thanh niên nam nữ. Tình yêu đâu phải như bài toán có đáp số dễ dàng sau khi đã cộng, trừ, nhân, chia thì phải ra như vậy. Có biết bao trường hợp cô hay cậu yêu người không phải đồng đạo mới tính sao đây?

Sự ràng buộc của luật pháp có vẻ nghiêm khắc đã được nghiên cứu kỹ lưỡng về mặt tâm lý từ nửa thế kỷ trước và tới nay vẫn còn hiệu dụng.

Ý nghĩa của hôn nhân là sự hòa hợp giữa người với người. Sự hòa hợp ấy đến tuyệt đỉnh khi hai thân xác hiệp làm một, tình cảm cũng một, mà tinh thần cũng một.

Còn có tai hại nào hơn khi hai người phải sống chung với nhau suốt đời mà từng giây từng phút mỗi người là một thế giới riêng?

Ấy là một kiếp sống cô đơn, quanh quẽ trong khi thân xác vẫn bị buộc ràng. Xác thân có thể vì những định luật vật chất buộc nó phải phối hợp với nhau, tình cảm cũng có thể vì những khêu gợi chung quanh nhất thời chia sẻ cùng nhau được, nhưng niềm tin sâu thẳm trong tâm hồn con người thì không dễ gì lay chuyển. Niềm tin về đạo giáo thuộc về loại này. Bởi vậy thái độ khôn ngoan là thái độ của người thấy trước được điểm tâm lý khó khăn này.

Đành rằng triết lý Tam Kỳ Phổ Độ vẫn dạy rằng các Đạo giáo vốn từ một gốc sanh ra, nhưng sự hiểu biết lẽ thật của người tín đồ đâu phải ai cũng có trình độ như các hiền triết cả để có thể thông cảm cùng nhau dễ dàng.

Thế nên, tốt hơn nên chọn người đồng đạo với mình, hy vọng sẽ tránh được nhiều phiền toái hơn. Bậc chơn tu khi đặt ra một điều luật cho tín đồ, hẳn đã nghiên cứu kỹ lưỡng rồi.

Còn việc chọn người ngoài làm phối ngẫu với điều kiện ưng thuận nhập môn, xét về mặt chánh trị đạo là một phương thức dụng tình yêu đưa người vào cửa đạo.

Ý hướng dụ dỗ tín đồ ở các đạo khác theo đạo Cao Đài bằng hôn nhân không cần thiết nơi đây. Điều kiện “ưng thuận nhập môn” này không nhằm mục đích làm gia tăng số tín đồ, mà chính vì muốn bảo đảm hạnh phúc cho hai người.

Trong Cao Đài giáo, qua hôn nhân, con người không phải là công cụ để củng cố chế độ chánh trị đạo, cũng không phải là phương tiện tranh đấu để bành trướng số tín đồ, hôn nhân có ý nghĩa thiêng liêng của nó, biểu lộ thân phận làm người của người tín đồ.

Cơ sanh hóa càn khôn đào tạo,
Do âm dương hiệp Đạo biến thiên.
Con người nắm vững chủ quyền,
Thay Trời tạo thế giữ gìn như luân.
(*Kinh Hôn Phối*)

Chính con người, hạnh phúc trong hôn nhân mới có ý nghĩa nơi đây chứ không phải chánh trị hay chế độ. Sự ràng buộc của luật Đạo tuy có nghiêm khắc thật nhưng là phương thức hữu hiệu, là chỉ dẫn cần thiết cho thanh niên nam nữ.

Ngoài điều luật về sự lựa chọn người phối ngẫu trên đây còn có các điều luật khác liên quan đến sự đề phòng gian dối, nghi lễ hôn phối, cưới hầu thiếp, ly dị.

. Tám ngày trước lễ sinh, chủ hôn trai phải dán bố cáo nơi Thánh Thất sở tại cho bốn đạo hay sau khỏi điều trắc trở.
(*Điều 7. Thế Luật*)

. Làm lễ sinh rồi hai đàng trai và gái phải đến Thánh Thất mà cầu lễ chứng hôn.
(*Điều 8. Thế Luật*)

. Cấm người trong đạo kể từ ngày ban hành (1927) luật này về sau không được cưới hầu thiếp. Rủi có chích lễ giữa đường thì được chấp nối. Thoảng như phụ nữ kia không con nối hậu thì Thầy cũng rộng cho đăng phép cưới thiếp, song chính mình chánh thê đứng cưới mới đăng.
(*Điều 9. Thế Luật*)

. Trừ ra có ngoại tình hay là thất hiếu với công cô, vợ chồng người đạo không được để bỏ nhau.
(*Điều 10. Thế Luật*)

B. Phép Hôn Phối

Sau khi làm lễ sinh hôn rồi, luật lệ buộc hai đàng trai và gái phải đến Thánh Thất cầu lễ “chứng hôn”. Cô dâu và chú rể sẽ quì trước Thiên Bàn, bốn tay nắm chéo lẫn nhau, vai kề vai, đầu chạm đầu trước sự chứng kiến của họ hàng đôi bên. Cử chỉ này biểu lộ ý nghĩa tâm đồng ý hiệp và sự phối hợp hoạt động chặt chẽ giữa hai người như một.

Một vị chức sắc chứng lễ đứng trước mặt cặp vợ chồng hành pháp hôn phối trong khi đồng nhi đọc kinh. Bí pháp này có tác dụng giải trừ bớt những mầm xung khắc đã có sẵn trong tâm hồn của hai người do tiền khiên nghiệp chướng của họ gây ra, giờ đây sẽ có cơ hội vay trả lẫn nhau trong đời sống vợ chồng.

Những mầm mống xung khắc này có thể khó nhận thấy vì trong buổi đầu của cuộc yêu đương sự bông bột của tình yêu có thể lấn lướt và làm lu mờ tất cả các yếu tố khác. Khi yêu nhau thắm thiết người ta tha thứ cho nhau và chiều ý nhau một cách dễ dàng, sẵn sàng kềm chế những thói hư tật xấu của chính mình để làm vừa lòng người yêu.

Thế nhưng sau một thời gian chung sống sự bông bột trong buổi đầu không còn nữa khi sự thật đã hiện nguyên hình thì những xung khắc có cơ hội nổi dậy làm thành một cuộc trả vay khóc cười lẫn lộn ngay trong đời sống yêu đương.

Tác dụng giải trừ bớt nghiệp quả xấu này gọi là ban ơn, là sự ân xá của Đức Chí Tôn trong Tam Kỳ Phổ Độ. Nhiều người tín đồ không hiểu rõ về tác dụng thần quyền này lại cũng không có đức tin vững mạnh nên đã xem phép hôn phối là một nghi lễ thêm phiền phức, họ quan tâm đến tiệc tùng, lời chúc tụng và sự vui thích trong ngày hôn lễ hơn.

Đó là một sự thiệt thòi rất lớn trong suốt kiếp sanh của họ mà họ không hề hay biết vì không hiểu đạo. Đức Chí Tôn đã ân xá cho tội tình của họ mà họ lại khước từ ân huệ ấy qua hành động từ chối phép hôn phối và để gì có được cơ hội thứ hai khi dịp may kia đã lỡ rồi.

Hành pháp xong, vị chức sắc sẽ dặn dò vợ chồng mới cưới vài lời về cách ăn ở với nhau cho phải đạo làm người. Sau khi bái lễ Đức Chí Tôn, vị chức sắc sẽ nắm tay cô dâu, chú rể đưa ra Thánh Thất, người đi giữa, cô dâu chú rể hai bên.

Có nhiều trường hợp chẳng may không gặp được vị chức sắc có đủ khả năng hành pháp hôn phối, hai đảng trai và gái vẫn đến Thánh Thất cầu nguyện nhưng không có hành pháp. Dĩ nhiên nếu lời cầu nguyện chân thành vẫn có sự cảm ứng của thiêng liêng nhưng chắc chắn ân huệ sẽ không được đủ đầy như trong trường hợp có hành pháp linh hiển.

C. Vai trò của người mẹ đối với các chơn linh giáng trần

Vai trò này được ví như “bụng mang đầy quyền phép nắn đời” bởi vì người mẹ có thể làm cho đời trở nên hiền lương nhưng ngược lại người cũng có thể làm cho đời trở nên quỉ mị.

Người mẹ giữ vai trò của cơ quan sản xuất ra nhơn loại, phép uốn nắn trẻ thơ nơi tay người không ít. Người có thể sản xuất ra hạng hiền nhân quân tử, tài trí thông minh, nhưng cũng có thể tạo ra hạng đảng điểm lưu manh.

Nếu hiểu được Đạo là máy Trời vi diệu, chúng ta cũng có thể nương theo đó mà thay đổi số kiếp của con người được phần nào. Phép sanh hóa của người mẹ thật hệ trọng đối với các chơn linh giáng trần. Hễ cái máy xấu thì khó lòng sản xuất được vật tốt.

Một người gọi là tốt thì phải tốt cả hình hài lẫn tâm hồn, hai yếu tố ấy tương liên mật thiết với nhau. Hồn

tốt mà xác xấu sẽ không đủ sức làm nổi việc thế gian, xác tốt mà hồn xấu thì chỉ vụ đường vui chơi.

Cái phép sửa đời tề hóa ra hay của Đạo Cao Đài còn ngó đến tận chốn phòng the trong việc ăn ở với nhau giữa vợ chồng cho phải phép của Đấng Hóa Công thì mới mong gặp được hạng Thánh Thần giáng thế.

Nếu như tâm hồn của người mẹ thấp hèn như nhớp quá, thể xác ô uế, tiêu tụy quá làm sao hy vọng có đủ điều kiện sản xuất được hình hài tốt đẹp cho các chơn linh cao trọng giáng ngự. Ấy vậy vai trò của người mẹ đã thay nửa quyền Tạo Hóa vẽ nên hình tướng của cuộc đời này.

D. Ảnh hưởng của đời sống tình dục

Xin tóm tắt nơi đây những lời giảng dạy của Đức Hộ Pháp về vấn đề này:

“Hồn và xác của con người tương liên mật thiết với nhau. Tinh thần của người mẹ như thế nào trong khi mang thai thì đứa con sẽ chịu ảnh hưởng giống như thế đó không ít. Ấy là một phép truyền thần, đầu chẳng linh hiển trọn vẹn, nhưng rất quan hệ.

Bởi vậy trong việc ăn ở của vợ chồng, ảnh hưởng tinh thần của cha mẹ rất hệ trọng, cần phải tập đứa con trong tương lai được thông minh bằng cách chính cha mẹ phải sống với tinh thần cao thượng, để tinh thần ấy nhiễm vào bào thai từ từ.

Bần Đạo đâu vọng ngữ nói chơi,
Dạy vợ chửa tức thời dạy trẻ.
Những trí thức tinh thần có lẽ,
Nhiễm vào tâm chửa đẻ trọn tinh thần.
Có tinh thần mới có xác thân,
Biến thân đủ tinh thần quán chúng.
Trí cao thượng nhiễm từ trong bụng,
Con đẻ ra chắc đúng bực thông minh.
Tỉ khác nào tấm kính chụp hình,
Có bóng chói đã in mọi vật.
Đầu mới tượng, óc còn thiếu chất,
Phần thông minh lật đặt bỏ vào.
Cây hưởng phân, quý sẽ dưng bao,
Thì cha đã thông minh mẫn đạt.
Con chắc là bác lăm quần thi,
Thần mẹ thêm cách vật trí tri.
Con ắt đặng quản trị thế sự,
Dầu vợ dốt hay là hay chữ.
Nghe điều hay cư xử gia đình,
Phép truyền thần đầu chẳng đặng linh.
Việc dạy dỗ vợ mình còn chế sửa,
Để ý thấy trẻ thơ nhiều đứa.
Tánh thông minh từ thuở mới lên ba,
Ấy là nhờ tính chất mẹ cha.

Gặp phải phép hiệp hòa sanh đặng vậy,
(*Phường Tu Đại Đạo - Phạm Công Tắc*)

Ấy là tích cực, còn tiêu cực thì vợ chồng nên tránh giao hoan trong lúc thể xác yếu đau và tinh thần bất ổn như đang lúc say rượu hay là vừa khi nguôi cơn giận. Bởi vì bào thai của đứa trẻ tượng hình do nơi tinh khí của cha mẹ là những chất liệu đầu tiên tạo nên hình hài nhục thể nó.

Vậy nếu tinh suy nhược, khí rối loạn thì cha mẹ làm sao tạo được hình hài hoàn hảo cho đứa trẻ, vừa ý với những chơn linh cao trọng giáng trần.

Lúc vợ chồng giao tình tua để dạ,
Luyện trí thức thông minh hòa nhã.
Tứ đồ tường chớ khá nên gần,
Hễ thân mình thiếu khí, loạn thần.
Thọ khí bảm nhâm thần, con đại đột,
Cữ hoa nguyệt, bớt đi thì tốt.
Tinh khí đầy, hài cốt trẻ tráng cường,
Khi giao hoan có độ, có lường.
Vợ bệnh, yếu chớ thường lân cận,
Đừng nhè lúc vợ chồng đương giận.
Mới vừa vui, vậy trận tam bàn,
Cũng đừng quen theo phép đổ dành.
Ép buộc vợ thỏa tình hoa nguyệt,
Khi thấy đáng nhụy hoa quả kết.
Thì phải toan dứt tuyệt đường ong,
Nghén ba trăng phải gắng gia công.
Dạy con trẻ còn trong bụng mẹ".
(*Phường Tu Đại Đạo - Phạm Công Tắc*)

Đành rằng sự tấn hóa của đứa trẻ còn tùy thuộc nhiều yếu tố khác nữa như cách dinh dưỡng của người mẹ trong khi mang thai, sự dinh dưỡng của đứa bé từ khi ra đời, sự giáo dục của gia đình trong tuổi ấu thơ, sự giáo dục của học đường, ảnh hưởng của xã hội. Những yếu tố ấy cấu kết với nhau làm thành một phần nào số phận của nó.

Thế nhưng, một khi đã hiểu lý đạo nhiệm màu, con người vẫn có thể chủ định được phần nào tương lai của chính mình bằng thái độ tích cực loại trừ bớt những mầm mống của đau khổ bất kỳ lúc nào có thể làm được.

Đức Hộ Pháp đã nhắc nhở tín đồ cần loại trừ bớt những mầm đau khổ ấy ngay từ trong việc ăn ở của vợ chồng với nhau, tưởng cũng nên để ý lắm vậy.

10. Luật Pháp Đạo

Căn bản về luật pháp đạo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có hai phần chính là Pháp và Luật.

PHÁP là Pháp Chánh Truyền

Bất di bất dịch, do Đức Chí Tôn chỉ dạy từ buổi mới mở Đạo. Đây là một văn kiện qui định các phẩm vị, quyền hạn, bổn phận, đạo phục của chức sắc.

Về sau Đức Hộ Pháp có chú giải thêm nhiều chi tiết rõ ràng hơn, viết thành quyển "Pháp Chánh Truyền chú giải". Lời chú giải này đã được Đức Lý Đại Tiên chỉnh lại.

LUẬT là Tân Luật và Đạo Luật

Tân Luật đã được Hội Thánh lập thành và Đức Chí Tôn phê chuẩn từ năm 1927. Năm Mậu Dần (1938) quyền Vạn Linh có lập thêm bộ luật nữa gọi là Đạo Luật ban hành ngày Rằm tháng Giêng năm ấy.

Ngoài ra Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp còn ký ban hành sáu Đạo nghị định nữa vào năm 1930, và hai Đạo nghị định nữa vào năm 1934, cộng chung là tám Đạo Nghị Định thường gọi là "Bát Đạo Nghị Định".

Bốn phận của người tín đồ là phải tuân theo luật pháp Đạo và bảo vệ luật pháp ấy để cho đời sống chung trong tôn giáo khỏi bị rối loạn. Chi tiết về các điều luật có đầy đủ trong các quyển:

- Pháp Chánh Truyền Chú Giải.
- Tân Luật.
- Bát Đạo Nghị Định.
- Đạo Luật Mậu Dần (1938).

Tôi chỉ xin ghi lại nơi đây những điều luật căn bản mà bất kỳ người tín đồ nào cũng phải gìn giữ.

A. Giới luật cấm răn

1. Ngũ giới cấm

Là năm điều cấm, nếu phạm vào tùy theo nặng nhẹ có thể bị phạt từ hình thức cảnh cáo quì hương, sám hối, đến bị ngưng quyền chức từ một đến ba năm. (*Chương IV. Tân Luật*).

Năm điều cấm ấy là:

1) *Nhứt bất sát sanh:*

Là chẳng nên sát hại sanh vật.

2) *Nhì bất du đạo:*

Là cấm trộm cướp, lấy ngang, lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy, để ý hại người mà lợi cho mình, cờ bạc gian lận.

3) *Tam bất tà dâm:* Là cấm lấy vợ người, thả theo đàng điếm, xúi giục người làm loạn luân thường, hoặc

thấy sắc dục lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt (vợ chồng không gọi là tà dâm).

4) Tứ bất tửu nhục:

Là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho náo động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị.

5) Ngũ bất vọng ngữ:

Là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bầy lố người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mãng, thô tục, chưởi rửa người, hủy báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa.

2. Tứ đại điều qui

Là bốn qui điều lớn buộc phải tuân theo:

- 1) Phải tuân lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bậc thấp hơn điều độ. Lấy lễ hòa người. Lỡ làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.
- 2) Chớ khoe tài, đừng cao ngạo, quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên Đạo. Đừng nhớ cừu riêng, chớ che lấp người hiền.
- 3) Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả. Đối với trên, dưới đừng lờn dễ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.
- 4) Trước mặt sau lưng cũng đồng một bậc, đừng kính trước rồi khi sau. Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngời mà xem không để lời hòa giải, đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đừng lấy ý riêng mà trái trên để dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người.

Nếu phạm vào một trong bốn điều qui này sẽ bị hình phạt tuyên bố đi nơi khác chỗ mình đang hành đạo. Luật pháp Đạo tuy có nghiêm khắc thật, nhưng đó là phương pháp để kèm chế, sửa trị phạm tâm của chúng ta rất hữu hiệu. Chưa ai có thể bước chân vào lòng Thánh Điện mà không mang theo những vết nhơ bẩn trên người. Ấy vậy phải thường xuyên xét mình mới tránh khỏi lỗi lầm đáng tiếc.

B. Pháp Chánh Truyền

1. Nguồn gốc

Pháp chánh truyền là bản văn qui định một cách tổng quát cách thức tổ chức và điều hành tôn giáo Cao Đài, ấn định các phẩm tước, quyền hạn, trách nhiệm, luật công cử của chức sắc các cấp trong Hội Thánh.

Đó là những bài Thánh giáo do Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng cơ truyền dạy ngày 20-11-1926 về Cửu Trùng Đài, ngày 13-2-1927 về Hiệp Thiên Đài và bài Thánh giáo do Đức Lý Thái Bạch dạy về nữ phái đồng tử thông công là Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư.

2. Nội dung – đặc điểm

Nội dung Pháp Chánh Truyền có ba đặc điểm chính:

a) Không thay đổi

Bởi nguồn gốc Thiêng Liêng của nó không ai có quyền thay đổi bất cứ điều khoản nào trong Pháp Chánh Truyền, khi viết bản pháp chánh truyền Cửu Trùng Đài Đức Chí Tôn đã lập lại bảy lần mệnh lệnh của Ngài.

"Chư môn đệ tuân mạng!" thì đủ rõ tính chất hệ trọng là dường nào.

b) Số chức sắc có giới hạn

Tổng số chức sắc Cửu Trùng Đài nam phái cầm quyền hành chánh đạo trên toàn thế giới được ấn định 3115 vị cho 6 cấp từ Giáo Hữu đến Giáo Tông kể ra như sau:

- . Giáo Tông.....1
- . Chương Pháp.....3
- . Đầu Sư.....3
- . Phối sư.....36
- . Giáo sư.....72
- . Giáo Hữu.....3000

Riêng cấp Lễ Sanh không giới hạn túc số. Dĩ nhiên trong số 3115 vị này không kể những vị hồi hưu, hàm phong hay bị kỷ luật ngưng quyền. Số chức sắc nữ phái không giới hạn.

c) Qui tam giáo hiệp ngũ chi

Đức Chí Tôn dạy lập Đạo Cao Đài với tôn chỉ qui nguyên Tam Giáo (Phật, Lão và Nho Giáo), hiệp nhứt ngũ chi (Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo) có nghĩa là tổng hợp các triết lý, nghi lễ, hình thức, tổ chức sinh hoạt của các nền đạo giáo chính đã có trên toàn cầu, xác định lại tất cả các đạo giáo đều có cùng một nguồn gốc là Thượng Đế và các vị giáo chủ là người thay mặt Ngài giáo dân vi thiện.

Ngài chọn lấy tinh hoa của các đạo giáo tổng hợp lại và lập thành đạo Cao Đài. Vì vậy về phương diện tổ chức Đạo Cao Đài là một tôn giáo mới có một nền triết lý tổng hợp của các tôn giáo. Qui Tam Giáo hiệp Ngũ Chi không phải là tổ chức thành một hiệp hội của nhiều tôn giáo.

Tinh thần tổng hợp là gom lại làm một, nên trong Pháp Chánh Truyền không có điều khoản nào cho phép sự phân chia Đạo Cao Đài thành nhiều chi phái, nhiều Hội Thánh hoạt động riêng lẻ. Đức Chí Tôn lập một Đạo Cao Đài cho toàn thể các sắc dân trên thế giới và chỉ có một Giáo Tông cầm quyền gọi là Anh cả.

3. Chú giải của Đức Hộ Pháp về Pháp Chánh Truyền

Tuân theo Thánh ý của Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã chú giải từng câu từng chữ trong bản Pháp Chánh Truyền cho rõ nghĩa, viết thành bản "**Pháp Chánh Truyền chú giải**" đầy đủ chi tiết về sự phân quyền giữa ba đài: Bát Quái, Hiệp Thiên, Cửu Trùng, về quyền hạn Đạo

Phục, luật công cử của từng phẩm chức sắc cho cả nam và nữ.

Trong Đạo Nghị Định thứ sáu ngày 3-10 Canh Ngọ (1930) Đức Lý Giáo Tông có nói rõ:

"Nghĩ vì Pháp Chánh Truyền Lão đã dạy Hộ Pháp chú giải chẳng thi hành từ thử làm cho Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phản khắc Đạo quyền gây nên rối loạn chánh giáo Đức Chí Tôn...".

Trong lời chú giải ở nhiều đoạn Đức Hộ Pháp đã cho ghi lại nguyên văn những lời Thánh Giáo Đức Chí Tôn giảng bút chỉ dạy thêm về Pháp Chánh Truyền.

C. Bộ Tân Luật

1. Nguồn gốc

So với CỰU LUẬT của các tôn giáo đã có từ trước, bộ luật của Đạo Cao Đài mới được thành lập nên gọi là TÂN LUẬT.

Sau khi ban hành Pháp Chánh Truyền phong chức cho chức sắc, Đức Chí Tôn dạy Hội Thánh phải lập TÂN LUẬT để tu hành. Ngài dạy các chức sắc cao cấp Cửu Trùng Đài soạn dự thảo luật đệ trình trước Hội Thánh để bàn thảo và sửa đổi xong sẽ đệ trình lên Giáo Tông.

Ngày 20-11 Bính Dần (1926) Đức Chí Tôn giảng cơ dạy về sự cần ích của Tân Luật như sau:

"- Thầy tỏ thật cái luật lệ Thầy khiến các con hiệp chung trí mà lập thành đây nó có ảnh hưởng về đạo đức Tiên phong Phật sắc của các con nên Thầy buộc mình cam chịu vậy. Chẳng luật lệ thì là trái phép mà trái phép thì làm thế nào vào Bạch Ngọc Kinh cho đặng. Vậy các con gắng làm phận sự cho hoàn toàn rồi có Thái Bạch giảng cơ sửa luật".

2. Thủ tục dâng luật

Sau khi hoàn tất bản dự thảo bộ Tân Luật lần đầu tiên các chức sắc cao cấp Hội Thánh Cao Đài được Đức Lý Giáo Tông giảng dạy về thủ tục dâng luật như sau:

Xin trích một đoạn trong Pháp Chánh Truyền chú giải.

"Lại nữa buổi ba vị Chánh Phối Sư dâng luật, Hộ Pháp và Thượng Phẩm phò loan cho Đức Giáo Tông giảng sửa (13-12 Bính Dần) Ngài có truyền dạy ba vị Đầu Sư và Chưởng Pháp phải ngự trên ngài đoạn đòi ba vị Chánh Phối Sư vào hành lễ rồi kêu Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh mà dạy rằng:

"- Hiền hữu coi Lão hành sự đây mà bắt chước".

Ngài lại dạy ba vị Chánh Phối Sư mỗi người phải dâng luật thế nào cho đủ sáu bàn tay nâng luật ấy, chẳng nên cho hờ đạng dâng lại cho Đầu Sư. Đầu Sư cũng phải cho đủ sáu tay mà dâng lên cho Chưởng Pháp rồi Chưởng Pháp cũng phải đủ sáu tay mà dâng lên cho Ngài.

Khi ấy Ngài dạy phải đi ngay lên Đại Điện đưa qua khỏi đầu Hộ Pháp và Thượng Phẩm, Ngài hạ Ngọc Cơ

xuống dưới đặng đi qua cho khỏi Ngài nữa. Hay... ()

Chương Pháp tiếp luật rồi lại đưa ngay qua khỏi đầu Khương Thái Công và Thánh Chúa Jésus nữa. Sau Hộ Pháp có để lời than cùng Thầy về điều ấy thì Thầy cười mà phán dạy rằng:

"Mắc Tiên vị của Thái Bạch còn ở dưới Thích Ca, Khổng Tử và Lão Tử bằng chẳng vậy thì bộ luật cũng đi ngang qua đầu các Đấng ấy nữa vì nó là Thiên Điều đó con".

Khi dâng luật Ngài lại giải thích ấy là cơ vô vi Tinh Khí Thần hiệp nhưt nếu cả ba chẳng hiệp thì chẳng hề thành Đạo đặng.

Về phương diện hữu hình qua nghi thức ấy chúng ta thấy Thánh ý Đức Chí Tôn buộc cả chức sắc Thiên Phong thuộc ba phái Thái Thượng Ngọc phải chung tâm hiệp trí với nhau trên bước đường hành Đạo và phải tùng luật pháp Đạo mới thành công đặng.

Đức Thích Ca Mâu Ni khi thuyết về Di Lạc Chơn kinh cũng có dạy: "*Tùng thị pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ tất đắc giải thoát*".

3. Nội dung

Gồm ba phần: đạo pháp, thế luật và tịnh thất.

a) Về đạo pháp : 8 chương, 32 điều

- Chương 1: nói về quyền hạn, trách nhiệm, luật công cử của các hàng phẩm chức sắc Cửu Trùng Đài.
- Chương 2: về người giữ Đạo, thủ tục nhập môn, trai giới hai bậc hạ thừa và thượng thừa.
- Chương 3: về việc lập họ Đạo, cách cúng kiến tại Thánh Thất địa phương.
- Chương 4: về ngũ giới cấm.
- Chương 5: về tứ đại điều qui.
- Chương 6: về giáo huấn.
- Chương 7: về hình phạt. Hội Công Đồng Tòa Tam Giáo.
- Chương 8: về việc ban hành luật pháp.

b) Về thế luật: Gồm 24 điều.

Qui định các bổn phận phải đối xử với nhau giữa người đồng đạo trong sinh hoạt quan hôn tang tế.

c) Về tịnh thất: Gồm 8 điều.

Cách tổ chức và sinh hoạt nhà tịnh.

4. Ai có quyền lập luật và phá luật

Qua Pháp Chánh Truyền chúng ta nhận thấy:

- Giáo Tông và Đầu Sư có quyền lập luật.
- Đầu Sư có quyền phá luật.
- Giáo Sư Giáo Hữu có quyền xin chế giảm luật lệ.

11. Tờ Khai Đạo

A. Ai đứng tên trong tờ khai đạo

TỜ KHAI ĐẠO được viết bằng Pháp Ngữ gửi cho quan Thống Đốc Nam Kỳ LeFol ngày 07-10-1926 do 28 người đại diện ký tên kèm theo danh sách 247 người nữa đứng tên trong Tịch Đạo tức là danh sách những người tín đồ khai báo đầu tiên với chính quyền để làm yếu tố pháp lý cho sự thành hình của một tôn giáo mới.

Bản văn này do Ngài Thượng Trung Nhật soạn thảo. Đặc biệt quan phủ Ngô Văn Chiêu mặc dù là môn đệ đầu tiên được Đức Chí Tôn độ rồi bằng huyền diệu không đứng tên chung trong danh sách 28 người đại diện này. Từ tháng 4-1926 Ngài Ngô Văn Chiêu đã tách rời ra khỏi sinh hoạt của nhóm cầu cơ do quý Ngài Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang dẫn đầu.

B. Ý nghĩa và nội dung

Ý nghĩa tờ khai Đạo là một bản tuyên ngôn về sự thành lập một nền tôn giáo mới tại Việt Nam. Nó không mang ý nghĩa của một đơn xin phép mà chính quyền Pháp có quyền cho hay là bác bỏ, nếu cho thì Đạo Cao Đài thành hình không cho thì Thượng Đế đành bất lực.

Thượng Đế đã dùng huyền diệu cơ bút đến khai mở một nền Đạo mới để dìu dẫn bước đi của con cái Ngài là toàn cả nhơn loại và những môn đệ đầu tiên của Ngài có bổn phận phải thông truyền với nhà cầm quyền tại Việt Nam buổi ấy vì đó là vấn đề an ninh trật tự trong tổ chức xã hội loài người.

Nội dung tờ khai đạo gồm 4 điều chính:

1. Từ xưa dân tộc Việt Nam vẫn sùng bái cả ba nền tôn giáo là Phật, Lão và Nho giáo.
2. Xã hội ngày nay mất đi cảnh thái bình nguyên nhân do người hành đạo canh cải, làm thất chơn truyền và lòng người sống xa rời tôn chỉ quý báu của Tam giáo.
3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ dạy phải hiệp Tam giáo lại lập thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ còn gọi là Đạo Cao Đài ý nghĩa là đại ân xá lần thứ ba của Thượng Đế, mục đích là làm cho nhơn loại biết thương yêu lẫn nhau, cư xử thuận hòa, làm lành lánh dữ để cộng hưởng cuộc sống hòa bình như buổi trước.
4. Hai mươi tám người đại diện đã long trọng công bố: "**Kể từ ngày nay chúng tôi đi phổ thông Đại Đạo khắp cả hoàn cầu**".

(Trích bản dịch Việt Ngữ trong quyển Đạo Sử - Hương Hiếu)

C. Nguyên văn tờ khai đạo bằng Pháp Ngữ

Saigon, le 7 Octobre 1926
Monsieur le Gouverneur,
Les soussignés,

Ont l'honneur de venir respectueusement vous faire connaître ce qui suit:

Il Existait en Indochine trois -Religions (Bouddhisme, Taoisme, Confucianisme). Nos ancêtres pratiquaient religieusement ces trois doctrines et vivaient heureux en suivant strictement les beaux préceptes dictés par les Créateurs de ces religions.

On était, pendant cet ancien temps, tellement insoucieux qu'on pouvait dormir sans fermer les portes et qu'on dédaignait même de ramasser les objets tombés dans la rue (Gia vô bẻ hộ, lộ bất thập di di, tel est l'adage inscrit dans nos annales)

Hélas! ce beau temps n'existe plus pour les raisons suivantes:

1. Les pratiquants de ces religions ont cherché à se diviser tandis que le but de toutes les religions est le même: faire le bien et éviter le mal, adorer pieusement le créateur.
2. Ils ont dénaturé complètement la signification de ces saintes et précieuses doctrines.
3. La course au confort, à l'honneur, l'ambition des gens, sont aussi des causes principales des divergences d'opinions actuelles.

Les Annamites de nos jours ont complètement ABANDONNÉ les bonnes moeurs et traditions de l'ancien temps.

Ecoeurés de cet état de choses, un groupe d' Annamites, fervent traditionalistes et religieux, ont étudié la refonte de toutes ces religions, pour n'en former qu'une seule et unique appelée CAODAISME ou ĐẠI ĐẠO.

Le nom "ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ", qui signifie la troisième Amnistie générale, est donné par L'Esprit suprême qui est venu aider les soussignés à fonder cette nouvelle religion.

L'Esprit Suprême est venu sous le nom de NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ dit CAO ĐÀI ou "Le Très Haut, DIEU TOUT PUISSANT".

Par l'intermédiaire de médiums écrivant, NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ transmet aux soussignés des enseignements divins ayant pour but de concentrer et d'enseigner les beaux préceptes de ces trois anciennes Religions.

La Nouvelle Doctrine enseignera aux peuples:

1. La haute morale de Confucius;
2. Les vertus dictées dans les religions bouddhique et taoïque. Ces vertus consistant à faire le bien et éviter le

mal, aimer l'humanité, pratiquer la concorde, éviter totalement la dissension et la guerre.

Les soussignés ont l'honneur de vous soumettre:

1. Quelques extraits du recueil des "Saintesparoles" de NGỌC HOÀNG THUỖNG ĐẾ, paroles estimées plus précieuses que tuot qui existe ici-bas.

2. La traduction de quelques passages du livre de prières que NGỌC HOÀNG THUỖNG ĐẾ nous a enseignés.

Le but poursuivi par les soussignés est de ramener les peuples à l'ancien temps de paix et de concorde. On sera ainsi dirigé vers une époque nouvelle tellement heureuse qu'il est difficile de la décrire.

Au nom de très nombreux Annamites qui ont entièrement approuvé ces études et dont la liste est ci-joite, les soussignés ont l'honneur de venir respectueusement vous déclarer qu'ils vont propager à l'humanité entière cette Sainte Doctrine.

Persuadés d'avance que cette nouvelle religion apportera à nous tous la Paix et la concorde, les soussignés vous prient de recevoir officiellement leur déclaration.

Les soussignés vous prient d'agréer, Monsieur le Gouverneur, l'assurance de leurs sentiments respectueux et dévoués".

BẢNG DỊCH TỜ KHAI ĐẠO

Saigon, ngày 07 tháng 10 năm 1926

Kính cùng quan Thống Đốc Nam Kỳ Saigon.

Chúng tôi đồng ký tên dưới đây, kính cho quan lớn rõ:

Vốn từ trước tại cõi Đông Dương có ba nền tôn giáo là: Thích Giáo, Lão Giáo và Khổng Giáo. Tiên non chúng tôi sùng bái cả ba Đạo ấy, lại nhờ do theo tôn chỉ quý báu của các chương giáo truyền lại mới được an cư lạc nghiệp. Trong sử còn ghi câu: "gia vô bế hộ, lộ bất thập di", nghĩa là con người thuở ấy an nhàn cho đến đổi ban đêm ngủ không đóng cửa nhà, còn ngoài đường thấy của rơi không ai lượm.

Nhưng buồn thay cho đời thái bình phải mất vì mấy duyên cớ sau:

1. Những người hành đạo đều phân chia ra nhiều phe, nhiều phái mà kích bác lẫn nhau, chớ tôn chỉ của Tam Giáo đều như một là làm lành lánh dữ và kính thờ Đấng Tạo Hóa.
2. Lại canh cãi mỗi chánh truyền của các Đạo ấy làm cho thất chơn truyền.
3. Những dư luận phản đối nhau về tôn giáo, mà ta thấy hàng ngày cũng tại bã vinh hoa và lòng tham lam của nhơn loại mà ra, nên chỉ người Việt Nam bây giờ đều bỏ hết những tục lệ tận thiện tận mỹ ngày xưa.

Thấy tình thế như vậy mà đau lòng, cho nên nhiều người Việt Nam vì căn bản, vì tôn giáo đã tìm phương

thể hiệp Tam Giáo lại làm một (qui nguyên phục nhứt) gọi là Đạo Cao Đài hay là Đại Đạo.

May mắn thay cho chúng sanh, thiên tùng nhưn nguyên, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hằng giáng đàn dạy đạo và hiệp Tam Giáo lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại cõi nước Nam này.

Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là đại ân xá lần thứ ba, những lời của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ dạy chúng tôi, đều cốt để truyền bá tôn chỉ Tam Giáo.

Đạo Cao Đài dạy cho biết:

1. Luân lý cao thượng của Đức Khổng Phu Tử.
2. Đạo đức của Phật Giáo và Tiên Giáo là làm lành lánh dữ, thương yêu nhưn loại, cư xử thuận hòa mà lánh cuộc ly loạn giặc giã.

Chúng tôi gửi theo đây cho Quan Lớn nghiệm xét:

1. Một bản sao lục Thánh Ngôn của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.
2. Một bản phiên dịch Thánh Kinh.

Chủ ý của chúng tôi là muốn làm sao cho nhưn loại được cộng hưởng cuộc hòa bình như buổi trước. Được như vậy chúng sanh sẽ thấy đặng thời kỳ mới mẽ cực kỳ hạnh phúc không thể nào tả ra đặng.

Chúng tôi thay mặt cho nhiều người Việt Nam, mà đã nhìn nhận sở hành của chúng tôi và đã ký tên vào tờ Đạo Tịch đính kèm theo đây, đến khai cho Quan Lớn biết rằng:

Kể từ ngày nay, chúng tôi đi phổ thông Đại Đạo khắp cả hoàn cầu.

Chúng tôi xin Quan Lớn công nhận Tờ Khai Đạo của chúng tôi.

(Trích trong Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhứt)

12. Ba Con Đường Thăng Tiến

Tiến trình tu tập của người tín đồ Cao Đài là nhập môn, giữ gìn giới luật, thờ cúng, làm công quả, phổ độ chúng sanh, trau tâm sửa tánh, tự xét mình có đủ tiêu chuẩn tam lập (lập đức, lập công, lập ngôn) mới bước vào giai đoạn tịnh luyện, thiên định để tự giải thoát lấy mình. Tiến trình này liên tục và từng giai đoạn thăng tiến đều có sự hướng dẫn đúng lúc.

Về phương diện hữu hình gọi là thể pháp của Đạo: có ba con đường để các chơn linh xuống thế lập vị mình.

A. Con đường thứ nhứt

Lấy quyền hành phẩm tước hữu hình làm phương tiện hành Đạo, phẩm tước ấy phải do công nghiệp hành Đạo và đức hạnh mới có được. Tùy theo công nghiệp phụng sự vạn linh và tài năng đức hạnh có được nhiều hay ít sẽ được thăng phẩm từ tìn đồ lên Giáo Tông, ấy là con đường lập quyền Đạo để nương nhờ vào quyền hành ấy làm phương tiện phổ độ chúng sanh.

Các phẩm tước hữu hình trong Hội Thánh chỉ là những nghi thức đối phẩm với các Đấng Thiêng Liêng trong thế giới vô hình, nó đòi hỏi người thọ nhận phải làm tròn thiên chức của mình, khi chết linh hồn mới xứng đáng được gọi là Thần Thánh Tiên Phật. Chẳng hạn phẩm Giáo sư, Pháp Chánh Truyền buộc phải lo lắng cho tìn đồ như anh ruột lo cho em.

Ôi! được bao nhiêu người có tâm đức ấy, chẳng trách nào Đức Chí Tôn định chỉ có 72 Giáo Sư hành quyền trên toàn thế giới. Hay là phẩm Giám Đạo của Hiệp Thiên Đài đòi hỏi người chức sắc phải có đủ quyền năng tâm linh để tự mình hay biết những vụ vi phạm về luật pháp Đạo đã hay đang xảy ra ở một nơi nào đó mà về phương diện hữu hình chưa lộ tông tích mới đúng nghĩa Giám Đạo, đúng với câu trong Pháp Chánh Truyền "*chẳng ai qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết*".

Vì vậy phẩm tước hữu hình chỉ là giả tạm và trạng thái sống thực của chơn thần có tinh tấn hay không mới là yếu tố quyết định giá trị của hai tiếng đối phẩm. Con đường đó là Cửu Trùng Đài. Khi chết Chơn Thần rời khỏi xác thân trở về cùng Đức Chí Tôn. Con đường thứ nhất này bao gồm cả những chức sắc cấp dưới của Hiệp Thiên Đài mà sở hành của họ cũng lấy quyền Đạo làm phương tiện lập công.

B. Con đường thứ hai

Con đường thứ hai là Phước Thiện với thập nhị đẳng cấp thiêng liêng cũng có phẩm tước hữu hình để đối chiếu với Thiêng Liêng từ Minh Đức đến Phật Tử.

Sở hành của họ chú ý nhiều đến việc lập đức, tạo ra nhiều của cải vật chất để tế khó trợ nghèo, yểm trợ đời sống hữu hình cho chức sắc hành đạo bất kỳ ở cơ quan nào, nuôi nấng binh vực trẻ mồ côi, người già cả, tật nguyền. Cũng phải đợi đến khi chết chơn thần mới rời khỏi xác thân trở về cùng Đức Chí Tôn.

C. Con đường thứ ba

Con đường thứ ba Đại Đạo là tu chơn, tức là con đường tịnh luyện, thiền định, chú ý tới sự rèn luyện, năng lực sống trong nội thân mình theo tiến trình tinh hóa khí, khí hóa thần, thần huồn hư đến chỗ chơn thần có đủ khả năng rời khỏi xác phàm trước khi chết trở về cùng Đức Chí Tôn được.

Đây là con đường đi tắt trong kiếp sanh, dĩ nhiên chơn thần xuất ngoại xác thân được thì phải trở về được và sống trọn kiếp người của mình theo đúng Thiên ý. Có rất nhiều lầm lạc vì ảo tưởng ảo giác trong loại sinh hoạt này.

Nếu như ở con đường thứ nhất và thứ hai người ta có thể lầm lạc chạy theo danh, lợi, quyền trong tôn giáo, cũng là ảo ảnh của cuộc đời, nhằm lẫn phương tiện với cứu cánh làm biến tướng nền chơn giáo thành tả đạo bàn môn thì ở con đường thứ ba này nhằm lẫn chính là ảo tưởng và ảo giác rất tinh vi.

Trong phép thông công của con người với thế giới thần linh cũng có vô vàn những điều đáng tiếc như vậy xảy ra, hậu quả của nó đối với đời sống tín ngưỡng của một số đông người cũng rất đáng thương tâm.

13. Lời Thề Của Chức Việc

Tên họ Phẩm vị thề rằng

"Giữ dạ vô tư hành đạo đầu cha mẹ, anh em vợ con cũng chẳng đặt phép tư vị, gìn dạ chơn thành thể thiên hành hóa".

Đây là thủ tục hành chánh và thần quyền mà phẩm Chánh Trị Sự và Thông Sự trong hàng chức việc phải thi hành khi nhận lãnh trách nhiệm hành đạo tại một địa phương.

Lễ tuyên thệ được tổ chức tại Thánh Thất sở tại trước Thiên Bàn, trước sự chứng kiến của Thần Linh, chức sắc cấp trên và đồng đạo, dĩ nhiên lời tuyên thệ này phải được phát âm thành tiếng nói rõ ràng, không phải chỉ nguyện trong tâm. Hai phẩm Chánh Trị Sự và Thông Sự bắt buộc phải tuyên thệ như vậy. Vì hai phẩm này có quyền về luật lệ của Đạo do Hiệp Thiên Đài ban cho.

Pháp Chánh Truyền không buộc phẩm Phó Trị Sự tuyên thệ nhưng trên thực tế ở nhiều nơi người ta vẫn tổ chức lễ tuyên thệ luôn cho phẩm Phó Trị Sự vì xét ra vẫn tốt về phương diện đức tin và tâm lý.

14. Lời Cầu Nguyện Hằng Ngày

A. Nội dung

Ngoài những bốn phận về thế tục phải làm việc để trả nợ áo cơm đã nương vào ơn quần xã hội cho thân xác được tồn tại, hằng ngày người tín đồ Cao Đài còn có bốn phận về tinh thần phải cầu nguyện năm điều chung sau đây ():

1. Đạo Cao Đài được truyền bá sâu rộng.
2. Chúng sanh biết thức tỉnh tu hành và giải thoát.
3. Oan nghiệt tội tình của đệ tử được ân xá.
4. Thế giới được hòa bình.
5. Nơi thờ phượng Thượng Đế được an ninh.

Những lời cầu nguyện này được dâng lên Đức Chí Tôn và chư Thần Thánh Tiên Phật vào các thời cúng Tý Ngọ Mẹo Dậu (12 giờ khuya, 12 giờ trưa, 6 giờ sáng, 6 giờ chiều). Lời cầu nguyện được đặt sẵn, giống nhau thành lời Kinh Ngũ nguyện là phần chót của kinh cúng Tứ Thời.

Những làn sóng tư tưởng phát xuất từ đáy lòng thành khẩn của người tín đồ Cao Đài ở khắp mặt địa cầu hiệp sức lại, cộng hưởng, tạo thành một sức mạnh tâm linh tác động trên tinh thần của nhơn loại theo chiều hướng thánh thiện. Hiện tượng này cũng giống như chúng ta ghép nhiều cục pin nhỏ lại để có được một dòng điện mạnh đủ thấp sáng bóng đèn.

Các Đấng Thiêng Liêng nơi Bát Quái Đài đón nhận những làn sóng tư tưởng của khối tín đồ Cao Đài dâng lên như một dòng thần lực chứa đựng ơn ý, các Ngài cảm nhận và cho hòa nhập vào trong tâm thức của mình gọi là chứng lòng chúng sanh và tức khắc gửi trả ngược lại chúng sanh sau khi cho thêm thần lực của các Ngài làm gia tăng thánh chất chứa đựng nhiều thánh ý trong đó.

Hiện tượng này gọi là sự chuyển pháp của quyền năng thiêng liêng tuy vô hình mà có thật và người nào nhận được ân huệ thiêng liêng này sẽ có thêm sức sống tâm linh thánh thiện và đời sống hữu hình của thân xác cũng sẽ thay đổi tốt đẹp dần. Sinh hoạt của giới vô hình này nối tiếp rất gần với loài người, chỉ cách một xác thân.

Ngoài năm điều chung trên đây thỉnh thoảng cũng có những vấn đề riêng của cá nhân mà sức phạm không giải quyết nổi, người tín đồ cũng cầu nguyện với các Đấng Thiêng Liêng để xin hộ trì.

Tuy nhiên không phải điều cầu xin riêng tư nào cũng được thỏa mãn bởi lý do con người thường hay cầu nguyện theo nhờn dục, mà hễ thuận cùng nhờn dục thì thường nghịch với Thiên Điều.

B. Bí Pháp cầu nguyện

Bí quyết trong phép cầu nguyện là phải thành ý, chánh tâm, có đức tin mạnh mẽ, thần trí phải thật yên tĩnh và lặp lại nhiều lần lời cầu nguyện trong một thời gian nào đó và điều cầu xin không quá hơn những gì mà định mệnh đã an bày cho mỗi cá nhân trong mỗi kiếp sanh mới có cảm ứng được.

Cũng có những kẻ mà đời sống đầy những tham vọng cá nhân phạm tục, không biết lẽ dinh hư tiêu trường là gì, quên câu luân hồi nghiệp báo tiền khiên vay trả chỉ vụ lấy điều lợi trước mắt, họ đi vào cửa Đạo, lễ bái nhiệt tình trong buổi đầu với một tâm tâm mong cầu sự đổi chác có lợi bội phần đối với thế giới Thần Linh.

Họ cũng cầu nguyện rất nhiều nhưng chỗ mong cầu vụ lợi phạm tục không được đáp ứng bèn mất đức tin cho rằng Trời Phật không linh. Lợi dụng tâm lý thấp thỏi này một số đồng cốt cùng với những tâm linh xấu tìm cách dẫn dụ đức tin của họ xa dần chánh giáo và chung cuộc họ đã lạc bước vào con đường tả đạo bàn môn lúc nào không hay. Thật đáng tiếc và con số tín đồ này cũng không phải là ít.

Lời cầu nguyện chắc chắn được đáp ứng dù ít hay nhiều là những lời cầu nguyện Hội Thánh đã đặt thành pháp trong kinh điển như:

Ngũ nguyện, dâng Tam Bửu, kinh Thế Đạo: trước và sau khi ăn, khi đi ngủ, lúc thức dậy, khi đi ra đường, lúc trở về v.v...

Tất cả đều mang ý nghĩa một tinh thần hướng thượng vô biên, sẵn sàng phụng sự vạn linh sanh chúng để sau một kiếp mang xác phạm chơn thần nhập vào cõi hằng sống được. Chẳng hạn như:

Nên người con nguyện ra tài lợi sanh
Con mong mượn xác đoạt quyền vĩnh sanh.
(*Kinh ăn cơm rồi*)

Bước ra một bước cảm hoài căn tu.
(*Kinh đi đường*)

Bồng lai cực lạc chỉ chùng
Đẩy đưa xác tục dựa gần cõi linh.
(*Kinh đi ngủ*)

Hay lời cầu nguyện khi dâng Tam Bửu nội dung tóm tắt như sau:

"Con xin dâng cả hình hài, trí não và linh hồn con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng". (Trích LTD của ĐHP Q1 tr 115)

C. Thể thức áp dụng kinh Thế Đạo

Về thể thức áp dụng kinh Thế Đạo trong sinh hoạt hằng ngày của người tín đồ, người ta thường dùng lối tâm pháp nghĩa là chỉ cầu nguyện trong tâm trí của mình bằng tư tưởng, không phát âm thành lời nói.

Chẳng hạn như khi ngồi vào bàn ăn để chùng một phút đồng hồ cắt đứt mọi tạp niệm, cầu nguyện trong tâm theo lời kinh ăn cơm, không làm ra vẻ gì khác biệt với những người xung quanh về hình thức bên ngoài. Ăn xong rồi cũng áp dụng như vậy.

Nếu áp dụng đầy đủ trung bình cứ một ngày 24 giờ người tín đồ Cao Đài đánh thức đời sống tâm linh mình 10 lần cứ cách vài tiếng đồng hồ họ lại hướng tâm về Đức Chí Tôn và Thần Thánh một cách sâu kín bên trong: 3 bữa ăn là 6 lần, đi và về 2 lần, ngủ thức 2 lần tổng cộng 10 lần.

Sinh hoạt này không mấy khó khăn nặng nhọc nhưng đòi hỏi phải có đức tin mãnh liệt, sự thành tâm, trì chí liên tục mới có kết quả tạo được sự cảm ứng thường xuyên với quyền năng thiêng liêng của Đức Chí Tôn và các Đấng. Hiệu ứng rõ rệt nhất của nó là quan niệm sống, tánh tình của người cầu nguyện sẽ thay đổi tốt đẹp dần theo chiều hướng thượng.

Điều cần lưu ý về kinh đi đường là không nên cầu nguyện trong lúc đang lái xe để tránh bị phân tâm dễ gây tai nạn, phải cầu nguyện trước khi lái.

Toàn bộ sinh hoạt tâm linh loại này đòi hỏi phải sống thật với lòng mình. Với nội dung, ý nghĩa của lời kinh như nói chuyện với Thần Thánh trước mặt mình vậy. Nếu chỉ áp dụng lấy lệ cho có hình thức như trả bài sẽ không có kết quả.

Nguyện kinh Thế Đạo theo lối tâm pháp này dễ dàng áp dụng trong mọi hoàn cảnh, mọi lứa tuổi đều thích hợp vì nó chỉ diễn ra trong nội tâm của từng cá nhân người cầu nguyện.

Tuy nhiên trong những môi trường sinh hoạt thuần tôn giáo và có tính cách cộng đồng như ở tại Thánh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu các cháu đồng nhi thường đọc kinh thành lời khi ăn cơm, hình thức này còn có thêm tác dụng về phương diện truyền giáo, nhưng đối với người lớn không mấy thích hợp vì nó nặng nề về hình thức nên phần đông đều chọn lối tâm pháp nhẹ nhàng hơn.

Và chẳng ngoài xã hội trong những sinh hoạt thể tục hằng ngày người tín đồ phải chung đụng với nhiều người không cùng tín ngưỡng thì hình thức cầu nguyện sâu kín bên trong vừa với tâm lý nhiều người hơn.

Tóm lại, dù hình thức nào đi nữa khi áp dụng Kinh Thế Đạo trong phép tu thân thì vấn đề chính là tâm linh của người tín đồ phải có tiến bộ.

Còn nếu như không có tiến bộ ắt phải có một nguyên nhân sai lầm ở một điểm nào đó trong chu trình chuyển hóa nguồn năng lực sống từ tiên thiên đến hậu thiên và từ hậu thiên đến tiên thiên nơi nội thân của mỗi con người.

Chẳng hạn đức tin không chánh lý nên thiếu sự trợ thần của Bát Quái Đài hoặc không biết trụ thần khi cầu nguyện hoặc biết trụ thần nhưng cường độ không đủ mạnh v.v... Trong trường hợp đó phải học lại lý đạo cho sâu và điều chỉnh chỗ sai pháp ấy.

15. Cầu Nguyện Trong Việc Làm Ăn

A. Nội dung

Trong lãnh vực đức tin con người được tự do cầu khẩn với các Đấng Thiêng Liêng nào mà mình tin tưởng và cảm thấy dễ dàng linh ứng. Sự chọn lựa ấy có những lý do sâu xa ở những liên hệ tiền kiếp của linh hồn họ.

Trong công việc làm ăn sinh sống hằng ngày một số người tín đồ Cao Đài vẫn có thói quen cầu khẩn sự phò hộ của Thần Linh để giúp họ dễ dàng đạt đến mục đích mà họ mong muốn. Họ thường kêu gọi đến quyền năng Thiêng Liêng của hai phẩm: Thần Thổ Địa và Thần Hoàng Bốn Cảnh.

Nếp sinh hoạt tín ngưỡng dân gian này đã có từ lâu đời trước khi khai mở Đạo Cao Đài và người tín đồ Cao Đài vẫn tiếp tục tin tưởng như thế.

Tuy nhiên khi hòa nhập chung vào nghi lễ của nền tôn giáo mới này, vẫn có vài biến đổi. Chẳng hạn tập tục tín ngưỡng cúng Thần thờ ở các Đình làng tức là Thần Hoàng Bốn Cảnh người ta cúng cả chay lẫn mặn, còn người tín đồ Cao Đài chỉ cúng toàn đồ chay mà thôi.

Vì vậy đây không phải là một sinh hoạt tín ngưỡng đặc thù của Cao Đài giáo mà là nếp tín ngưỡng dân gian mà người Cao Đài đồng hóa. Họ thường kêu gọi đến sự giúp đỡ của Thần linh trong những trường hợp như: Khởi đầu một công trình xây cất, khai trương một cơ sở làm ăn, mở đầu công việc mùa màng trồng trọt ở một vùng đất mới đặt chân đến đầu tiên v.v...

Nội dung lời cầu nguyện thường gồm bốn điểm chính.

1. Danh tánh và địa chỉ của người cầu nguyện.
2. Công việc đang làm hoặc sắp làm.
3. Yêu cầu Thần linh phò hộ cho mình điều chi, về phương diện nào.
4. Để làm gì, tức là lời khẩn nguyện mình sẽ sống như thế nào với sự giúp đỡ của các Đấng ấy và đây là

điều rất hệ trọng.

Không phải tất cả những gì cầu nguyện đều được Thần linh phò hộ.

B. Quan niệm thần linh

Trong sự tín ngưỡng của người theo Đạo Cao Đài, Thần linh là những Đấng tác động trên đời sống của người tín đồ để phò hộ cho họ những sinh hoạt về phần xác lẫn phần hồn theo chiều hướng giúp họ biết tu thân lập đức đi đến chỗ giải thoát, thành thử chỉ có những lời cầu nguyện nào mà nội dung phù hợp với trách nhiệm thiêng liêng của các Ngài mới mong được dễ dàng chấp thuận.

Trách nhiệm ấy là dạy dỗ dân làng biết làm lành lánh dữ, sống an cư lạc nghiệp, đủ sức chịu đựng sự trả quả mà mỗi cá nhân đã gây ra từ trước. Chỉ có các Đấng ấy mới quyết định chấp thuận những lời cầu khẩn hay không, còn người tín đồ chỉ theo những tập tục lâu đời của ông bà để lại họ cầu nguyện một chiều theo lòng tin của họ.

Ở đây chúng ta cần loại bỏ những khía cạnh mê tín dị đoan trong các hình thức tín ngưỡng. Chẳng hạn trường hợp sau đây:

Một người sống chủ trương không cần lễ nghĩa chi cả, chẳng cần trí tín gì hết, chỉ làm sao có nhiều tiền, nhiều của cải vật chất, thỏa mãn được dục vọng giác quan của mình là hạnh phúc rồi.

Y cũng theo đạo Cao Đài rồi mở một quán rượu, trình trọng cầu khẩn Thần linh phò hộ cho mình làm ăn phát đạt. Lấy lý trí bình thường của một người chúng ta xét thử trường hợp này.

Nếu như lời cầu nguyện của y được giúp đỡ có hiệu lực, nghĩa là bán rượu chạy, thì sẽ có nhiều người phải say sưa gây ra những bất hạnh cho xã hội. Thử hỏi Thần linh là những Đấng có trách nhiệm dạy dỗ người dân hiền lành hướng thiện có thể giúp cho y đạt được mục đích giàu sang do bán rượu thật chạy để nhiều người phải khổ hay không?

Rồi khi có thật nhiều tiền, nhiều vật chất, y lại sống theo dục vọng của giác quan, đời sống của y càng sa đọa và tiếp tục đào tạo con cái ăn chơi hư hỏng. Thử hỏi, đứng ở cương vị Thần linh các Ngài có thể tác động theo lời cầu xin đó để cho linh hồn y tạo nhiều ác nghiệp và đi nhanh vào cõi đọa được không?

Đây chỉ là trường hợp mê tín dị đoan mà thôi. Vận dụng năng lực thần quyền vào công việc làm ăn cần loại trừ khía cạnh mê tín dị đoan này. Theo quan niệm của người tín đồ Cao Đài Thần linh là những Đấng vô hình đứng trong hàng chánh giáo, khác hẳn với các vong linh thấp. Vì vậy chúng ta không nên khẩn nguyện với tâm trạng mong cầu sự đổi chác bằng những lễ vật cúng bái hay nói khác hơn là lo lót để được Thần linh phò hộ.

Trường hợp thứ hai này vẫn thấy xảy ra ở một số người tín đồ không hiểu lý sâu của Đạo. Cũng có những lời cầu nguyện rất chính đáng xét về nội dung, rất đáng được giúp đỡ nhưng trạng thái nội tâm của người cầu khẩn chưa có một tâm ý hướng thiện rõ rệt, các Ngài vì lòng từ bi cũng độ rỗi trong một thời gian, sau đó xem xét lại.

Nếu như chơn thần của y chưa thức tỉnh theo chiều hướng thiện, nghĩa là quên lời khẩn nguyện ban đầu, tinh thần rơi vào trạng thái mê tả qua câu kinh sám hối:

*Lâm nguy nguyện vái làm lành
Tai qua rồi lại dạ đành phụ vong.*

Các Ngài sẽ ngưng phò hộ, công việc làm ăn thấy trôi chảy trong buổi đầu, sau đó mất hẳn đi những phần may mắn, lý do không còn sự phò hộ của Thiêng Liêng nữa mà chỉ còn năng lực của trí phàm con người tranh đấu nhằm đoạt lợi ở thế gian mà thôi.

Tóm lại, theo quan niệm của người tín đồ Cao Đài, Thần linh là những Đấng rất gần gũi với những sinh hoạt của con người, các Đấng ấy luôn giúp đỡ cho người tín đồ thăng tiến trên con đường tu thân lập đức và đủ sức chịu đựng sự trả quả của mình đã gây ra từ trước. Vì vậy họ không ngần ngại vái van cầu khẩn các Đấng này phò hộ cho họ trong đời sống hằng ngày.

Về hình thức lễ bái không có qui định nào rõ rệt, có khi chỉ đơn thuần là một lời khẩn, có khi là một nén hương, có khi là một đĩa trái cây hay một mâm cơm chay. Tuyệt nhiên không dùng đồ mặn trong khi cúng Thần Thổ Địa và Thần Hoàng Bản Cảnh trong nếp sinh hoạt của người tín đồ Cao Đài.

Điều này đã có từ khi mới khai Đạo do lời dạy của vị Thần Hoàng Bản Cảnh ở làng Mỹ Lộc, quận Cần Giuộc và lời dạy của Đức Chí Tôn về trách nhiệm dạy dỗ dân làng của Thần Hoàng Bản Cảnh làng Long Thành là nơi Tòa Thánh Tây Ninh đang tọa lạc.

Lời dạy của Đức Chí Tôn 1927.

"... Thầy đã ban sắc cho Thần Hoàng Long Thành thăng lên chức Văn Xương vào trấn nhậm làng Hiệp Ninh, dạy dỗ dân làng về Đạo, Thầy ban trọn quyền thưởng phạt đặng răn làng ấy cho đến ngày biết ăn năn cải hóa...

Vậy thì làng Long Thành, các con khá an lòng..." (TNHT .Q I. 1969 Tr 98)

Lời dạy của Thần Hoàng Bản Cảnh làng Mỹ Lộc ngày 18-01-1927.

"- Từ thuở Ta vâng chiếu chỉ đến trấn nhậm nơi đây, Ta một lòng lo cho lê thứ đặng an cư lạc nghiệp, thịnh vượng mùa màng mỗi mỗi đều lo lắng cho chúng sanh nơi phần trách nhiệm...

Từ đây Ngọc Đế truyền lệnh cho Ta phải theo phò chư Cao Đạo hữu, nên Ta lo lắng bội phần hơn khi trước, mỗi khi có việc chi tai biến hay là có những bệnh truyền nhiễm thì đến đây Ta sẽ dạy cho mà lánh những điều tai hại.

Còn việc tế lễ cúng, Ta muốn dùng đồ chay hay là cây trái, chớ sát sanh.

Tế tự là tại sao ?

Phàm có lòng tin mới cúng chớ, cúng là lấy có lễ đó, gọi là kính trọng. Chớ Thần Thánh nào ăn của ai. Bởi thế nên ai dùng vật thực mà cúng tốt hơn nên dùng trái cây. Ai có lòng tế lễ chi chi Ta cũng chẳng trách

đặng vì cừu lệ bày đến ngày nay..." >(TNHT QI 1969 Tr 87-88)

Chúng ta cần phân biệt cho rõ ràng trong thế giới vô hình cũng có những chơn linh thấp kém xấu xa sống lẫn lộn với những chơn linh cao trọng. Hai cấp bậc Thần Thổ Địa và Thần Hoàng Bản Cảnh mà người tín đồ tin tưởng là những chơn linh tốt, biết thương yêu chúng sanh, sẵn sàng phò hộ giúp đỡ cho đời sống nhơn sanh phát triển theo chiều hướng thánh thiện khác hẳn với những vong linh thấp kém mà đôi khi nhập vào xác những đồng cốt đòi hỏi người ta cúng cho mình ăn vật nọ, vật kia theo những ảo giác của chơn thần họ đang diễn ra.

Thành thử khi vận dụng năng lực phò hộ của Thần linh trong công việc làm ăn hằng ngày cần phải thận trọng. Nếu trong tâm của người khẩn nguyện dù không nói ra bằng lời rõ rệt mà có ý đối chác song phương, "Nếu Ngài phò hộ cho tôi, tôi sẽ cúng Ngài một đĩa trái cây" chẳng hạn, đó là một điều thất lễ.

Đối với các vị Thần linh phải hết sức tránh chỗ tâm ý thấp thỏi này do lòng mê tín của con người để khỏi phải làm phiền lòng các Đấng ấy. Vì thương đời mà phải gần gũi với những sinh hoạt trần tục của chúng sanh và phải nghe những điều bất chánh trong tâm của kẻ cầu nguyện.

Các Đấng ấy làm việc một cách vô tư vì trách nhiệm thiêng liêng của mình tại mỗi địa phương, không phải vì các phẩm vật cúng tế. Còn lễ và kính trọng là bốn phận của người tín đồ hiểu lý sâu của Đạo, một hình thức sinh hoạt theo hướng Trời Người hiệp nhất.

16. Cầu Nguyện Trong Việc Học Hành Thi Cử

Trong công việc học hành thi cử người tín đồ Cao Đài đặng phép cầu khẩn với quyền năng thiêng liêng của Đức Chí Tôn khai mở khiếu thông minh cho mình để học hành mau tiến bộ, đến nơi đến chốn, thi cử đỗ đạt, hầu mai sau khi ra đời sống một đời sống có nghĩa nhân, biết thương yêu bạn đồng môn, thương yêu sanh chúng trên đường công danh, biết làm lành lánh dữ, nghĩa là sống đời sống của hàng chánh nhân quân tử trong xã hội.

Lời cầu khẩn ấy được cô đọng trong câu:

Cầu khẩn Đấng chơn linh nhập thể
Đủ thông minh học lễ học văn
May duyên gặp hội Long Vân
Thuyền thơ ngọn gió Các Đấng xuôi đưa
(*Kinh nhập học*)

Về phương diện tâm lý, nội dung của lời cầu nguyện có tác dụng hướng dẫn con người sống theo hướng thánh thiện.

Về phương diện thần quyền, mỗi con người đều có một linh hồn, linh hồn hiện ra nơi thân thể trong yếu tố gọi là Thần của Tam Bửu. Thần là sự sáng suốt của tâm linh ngự trị nơi phàm thể con người điều khiển khí và tinh.

Cầu khẩn chơn linh nhập thể là thúc giục năng lực thánh thiện của Thần biểu lộ nơi trí não của con người

cho được nhanh chóng và cao độ. Năng lực sáng suốt của Thần nơi con người có 2 tác dụng:

. Đối với quá khứ, nhớ lại được những ký ức đã ghi nhận do sự hiểu biết từ trước và dường như bị chôn vùi đi theo thời gian. Khi Thần linh hoạt nó sẽ nhớ lại được những ký ức này, tức là những kiến thức đã học được từ tiền kiếp hay là ở trong kiếp này hiện ra nhanh chóng khi cần vận dụng đến.

. Đối với tương lai, năng lực của Thần sẽ làm gia tăng tính sáng tạo của con người để tìm tòi khám phá thêm những qui luật của sự sống mà Đức Chí Tôn đã đặt để nơi con người và ở thiên nhiên biết biến cải môi trường sống cho mình được tồn tại, tấn hóa trên dòng thời gian.

Đó là nói về nguyên lý của sự sống một cách tổng quát, còn chi tiết hơn khi người tín đồ trong công việc thi cử, học hành phải cầu nguyện đến quyền năng của các Đấng Thiêng Liêng hỗ trợ cho mình thì có phải là việc làm mê tín hay không?

Tất cả những tri thức của con người còn đọng lại trong phần gọi là ký ức của tinh thần người ấy, với thời gian quá lâu những ký ức ấy có thể bị phai mờ đi, mình gọi là quên.

Nhưng thật ra tất cả những gì mình đã nghĩ, đã làm trong quá khứ đều lưu trữ lại ở trong sự sáng suốt của chơn linh mình. Sau khi thân xác này chết đi những ký ức vẫn tồn tại trong chơn linh người đó.

Khi đi đầu kiếp chơn linh mang một hình xác mới những ký ức ấy vẫn còn nhưng ở một trạng thái tiềm ẩn và chính nó làm thành sức thông minh bẩm sinh nơi đứa bé. Dinh dưỡng đầy đủ và giáo dục đúng cách sẽ làm tăng trưởng sức thông minh qua từng kiếp sống.

Vì vậy một người đã qua nhiều lần chuyển kiếp, học hỏi được nhiều kinh nghiệm sống trong quá khứ, năng khiếu thông minh nơi trí não của họ thường thường cao độ.

Đó là những gì có tính cách bẩm sinh nơi một con người, nếu chúng ta biết đánh thức nó dậy thì sự biểu lộ của nó về phương diện hữu hình đo lường bằng hệ số thông minh của trí não con người sẽ đạt đến mức cao hơn là không biết đánh thức.

Vì vậy phải có kho tàng kiến thức cũ nằm ở dạng tiềm ẩn, khi một chơn linh con người đi đầu kiếp thì sự thông minh bẩm sinh cao nơi đứa bé mới có được.

Không có trường hợp linh hồn của một con thú đã tấn hóa nhập vào hình xác của một con người nhờ ăn uống đầy đủ mà có trí thông minh bẩm sinh cao được.

Lời cầu nguyện trong kinh nhập học:

"Đại Từ phụ xin thương khai khiếu" là chiếc chìa khóa Thần quyền để khơi dậy kho tàng tâm linh của ký ức tiền kiếp biến đổi nó thành sức thông minh hiện tại để học và hiểu nhanh chóng những vấn đề mà trí não của con người đang đối diện.

Một khi người tín đồ đã hiểu được chơn pháp của đạo một cách sâu xa và biết vận dụng những lời kinh tiếng kệ một cách khôn ngoan sẽ tạo cho mình một chánh tín. Cho nên cầu nguyện trong việc học hành thi cử rất cần thiết để cho vai trò của chơn linh mình dạy dỗ được trí phàm biết sống theo tánh linh sẵn có nơi

mỗi người.

Đức Chí Tôn dạy:

"Nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn... Đấng chơn linh ấy vốn vô tư... nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa phán xét... Các chơn linh ấy tánh thánh nơi mình đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi mà còn dạy dỗ các con..." (TNHT- TG 1928)

Chơn linh tức là linh hồn của con người, nơi tích lũy những ký ức qua nhiều kiếp sống tức là sự sáng suốt, khôn ngoan tiềm ẩn nơi một con người.

Biết dùng phép cầu nguyện để khơi dậy kho tàng quý báu của kiến thức cũ trong quá khứ đó biến đổi thành trí thông minh của hiện tại là biết sống với lẽ Đạo, biết sống với quyền năng cao diệu mà Đức Chí Tôn đã ban cho con người.

Nói riêng về quá khứ gần trong một kiếp sanh của con người, lời cầu nguyện có được sự may mắn trong việc học hành thi cử có nghĩa là gì ?

. Trước nhứt, năng lực Thần quyền do các Đấng Thiêng Liêng bố hóa cho người cầu nguyện sẽ làm cho Thần của họ thêm linh hoạt nhớ lại những gì đã học hỏi từ trước để trong công việc thi cử trả lời cho đúng. Vì vậy trong kho tàng ký ức của họ phải có những kiến thức do việc học hành lưu lại, nhờ sự phò hộ của quyền năng thiêng liêng sẽ làm cho mình nhớ lại trọn vẹn và trả lời đúng, tức nhiên là thi đậu.

. Thứ hai, vận dụng được sự sáng tạo của trí thông minh mình trả lời những vấn đề khi người ta đòi hỏi phải biết, phải có những sáng kiến mới giải đáp được.

. Thứ ba, là những điều kiện sinh hoạt ở xung quanh mình không gây trở ngại trong việc thi cử như sức khỏe tốt, phương tiện di chuyển an toàn, thời gian không trễ nải v.v...

Tóm lại phải có sự chăm chỉ học hành từ trước, lời cầu nguyện may mắn mới có ý nghĩa trong sáng của nó. Khía cạnh mê tín dị đoan thường nằm ở chỗ không chịu học hành mà muốn Thần Thánh phò hộ giúp đỡ cho mình đỗ đạt.

17. Sứ Mạng Truyền Giáo

A. Sứ mạng cá nhân

Từ những lời cầu nguyện hằng ngày:

- Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai.
- Nhì nguyện phổ độ chúng sanh.

Là sinh hoạt thuộc quyền năng tư tưởng có sự chuyển pháp của các Đấng Thiêng Liêng hộ trì về phần vô vi

sang lãnh vực hữu hình. Đức Chí Tôn dạy mỗi tín đồ phải có sứ mạng truyền bá đạo lý của Ngài cho người khác hiểu và hành động theo Thánh ý.

"Còn chư môn đệ đã lập minh thế rồi, ngày sau tùy âm chất mỗi đứa mà thăng hay là tội lỗi mà giáng, song buộc mỗi đứa phải độ cho đặng ít nữa là mười hai người". (TNHHT QI Tr 42)

Mỗi lần tái kiếp trong một gia đình nào đó linh hồn sẽ có thêm họ hàng thân thích, tạo thành gia tộc hữu hình và bởi tình yêu thương, nợ khí huyết vay mượn của tổ phụ lưu truyền, khi thoát xác chơn thần của những người thân ấy có những liên hệ ràng buộc với nhau, bởi vậy mới có phép điều chỉnh nghiệp quả.

"Chờ con lập đức giúp huần ngôi xưa"
(Kính cầu cha mẹ qui liễu)

Tình đồng đạo cũng vậy, khi chúng ta độ rồi một người nào nhập môn vào Đạo phải có trách nhiệm dìu dắt lẫn nhau anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo. Tình yêu thương và trách nhiệm tâm linh ấy nối kết các chơn thần khi thoát xác trở thành họ hàng gia tộc nơi cõi thiêng liêng.

Đức Chí Tôn dạy:

"Hễ bao nhiêu môn đệ độ rồi của mỗi đứa thì là họ hàng của mỗi đứa hiểu à!

"Chùng ấy về đến Bạch Ngọc Kinh thì gia tộc mỗi đứa đều phân biệt, nếu chẳng độ rồi thì về với hai tay không".

Ấy vậy sứ mạng truyền giáo để phổ độ chúng sanh đặt nền tảng trên bốn phận của từng cá nhân người tín đồ. Không phải chỉ có chức sắc hay chức việc mới có bốn phận truyền giáo mà mỗi người tín đồ đều có bốn phận ấy.

B. Phương tiện giáo quyền

Khi mở Đạo Cao Đài tại Việt Nam Đức Chí Tôn có tiên tri.

Nam Bắc cùng rời ra ngoại quốc
Chủ quyền chơn Đạo một mình Ta.
(TNHT. TG 15. 9 Bính Dần)

Làm thế nào để ứng hiện lời tiên tri ấy?

Trên thì có các Đấng Thiêng Liêng chuyển pháp khai mở năng khiếu tâm linh của con người, những ai hữu duyên cùng Đạo trên khắp mặt địa cầu, dưới thì có quyền hành Hội Thánh là phương tiện để độ rồi nhơn sanh.

Phép tu hành nhằm đạt đến sự giải thoát Chơn Thần con người, còn quyền hành áo mão, chức tước chỉ là phương tiện để xác thân làm việc. Hai phương tiện truyền giáo hữu hiệu nhất là nơi thờ phượng Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng để nuôi dưỡng đạo tâm vì:

"Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi" và kinh điển để truyền bá đức tin hiểu đạo lý cho chính đáng, tránh lạc lầm vào chỗ mê tín dị đoan.

Ngoài ra còn có việc truyền bí pháp thuộc phần sinh hoạt cao cấp không tiện nói ra trong quyển sách nhỏ bé này.

Các phương tiện truyền thông đại chúng như truyền thanh, truyền hình, báo chí, hình ảnh, ghi âm đã giúp ích rất nhiều trong việc truyền giáo. Nhưng phương tiện dù tối tân đến đâu, kinh điển dù cao siêu thế mấy, trên hết mọi sự con người mới là chính.

Đời sống của người tín đồ, sự sinh hoạt thể xác và tinh thần, nếu còn nặng mang nhiều nét phàm tục trước mắt chúng sanh thì nền Đạo đang có dấu hiệu qui phạm.

Trong một nền tôn giáo nếu thiếu những tấm gương sáng chói về đạo đức của con người ở cõi tục này thì việc truyền giáo cũng mất đi phần hữu hiệu.

Kinh điển giải bày lý đạo cao siêu, truyền thông đại chúng rộng rãi, đó chỉ là lý thuyết; còn thực hành thì đời sống của người tín đồ ra sao mới là kết quả. Ấy vậy việc tu thân của mỗi cá nhân người tín đồ là nền tảng của cơ phổ độ. Lấy thí dụ cụ thể chẳng hạn:

- Muốn khuyên người nào chạy lạt đừng giảm bớt nghiệp sát sanh.
- Hay từ bỏ rượu thịt say sưa cho chơn thần an tĩnh.
- Muốn khuyên đừng cờ bạc đừng bỏ tánh gian tham.
- Hay xa lánh gió trăng cho gia đình đừng nghiêng đổ.

Trước hết phải tu chỉnh bản thân mình để làm gương cho người khác thì lời khuyên mới có giá trị và mới hy vọng cảm hóa đặng lòng người.

Ấy vậy tu thân là chính trước khi sử dụng giáo quyền thi hành sứ mạng phổ độ mà Đức Chí Tôn giao phó.

18. Xét Câu Minh Thệ

A. Phép xét mình

Vào giai đoạn chót của đời sống người tín đồ Cao Đài người ta cho áp dụng phương thức xét mình bằng cách gọi tên người sắp qui vị và thúc giục:

"*Ồ (tên họ người qui vị) thành tâm cầu nguyện.*

Nguyện Chí Tôn linh hiển độ sanh

Ăn năn sám hối tội tình

Xét câu minh thệ gởi mình cõi thẳng.

(*Kinh cầu hồn*)

Đức Thất Nương Diêu Trì Cung khi giảng cơ giải thích về cõi Âm quang có dạy rằng:

"Chớ chi cả nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi Âm quang". (TNHT QII Tr 92)

Đức Chí Tôn cũng nhắc nhở môn đệ Ngài phải biết xét mình hằng ngày trên bước đường tu học và hành Đạo.

"Phải thường hỏi lấy mình khi đem mình vào lạy Thầy buổi tối, coi phận sự ngày ấy đã xong chưa mà lương tâm có điều chi cần rút chằng? Nếu phận còn nét chưa rồi, lương tâm chưa đặng yên tịnh thì phải biết cải hóa, ráng sức chuộc lấy lỗi đã làm thì các con có lo chi chằng bì bực Chí Thánh..." (TNHT 24.12.1926)

Phép xét mình không phải là điều mới lạ, từ ngàn xưa các bậc Thánh hiền đã truyền dạy, các Đấng Thiêng Liêng trong Đạo Cao Đài chỉ nhắc nhở tín đồ, Đức Hộ Pháp gọi đây là phép hồi quang phản chiếu, lấy ánh sáng tâm linh soi rọi trở lại hành tàng của mình đã thi thố từng ngày, từng tháng, từng năm và cả kiếp sanh, xem xét chỗ dở chỗ hay để định bước tương lai cho đúng theo Thánh ý. Nó bao gồm nhiều vấn đề trong cuộc sống nhưng nơi đây chỉ nhắc đến vài lời tâm nguyện mà thôi.

Trước hết xin đề cập đến lời minh thệ nhập môn.

B. Ý nghĩa nội dung lời minh thệ nhập môn

Tên họ thề rằng:

"Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên Tru Địa Lục".

Tất cả tín đồ Cao Đài đều phải qua thủ tục minh thệ này khi nhập môn cầu Đạo. Lời minh thệ phải được phát âm thành tiếng nói rõ ràng trước sự chứng kiến của Thần linh và giới chức sắc có thẩm quyền về hành chánh Đạo, thấp nhất là cấp Chức Việc Bàn Trị Sự.

Đây là một nghi lễ hữu hình có ba tác dụng:

- . Về hành chánh Đạo: Để có đủ yếu tố pháp lý cấp giấy chứng nhận tín đồ gọi là Sớ Cầu Đạo.
- . Về tâm lý cá nhân: Để người tân tín đồ biết sợ hình phạt của Thiêng Liêng mà giữ gìn giới luật của kẻ tu hành.
- . Về thần quyền: Để được các Đấng Thiêng Liêng nhìn nhận là môn đệ của Đức Chí Tôn và do đó sẵn sàng phò hộ cho mình trong cuộc sống tu hành.

Chúng ta biết rằng mỗi linh hồn đều có quyền tự chủ của mình, thăng hay đọa là do luật nhân quả tác động một cách vô tư do sở hành của chính linh hồn ấy gây ra. Vì vậy phải có lời minh thệ là một hình thức cam kết tự nguyện sống trong giáo pháp Đạo Cao Đài, chấp nhận sự thưởng phạt của các chơn linh cao trọng đóng vai trò người hướng đạo cho mình trong suốt cuộc hành trình trở về cùng Thượng Đế thì những chơn linh ấy mới sẵn sàng can thiệp vào đời sống của mình với mục đích yểm phàm phục thánh.

Điều kiện này được xác định qua lời dạy của Đức Chí Tôn đối với một số môn đệ tại Cần-Giuộc chưa qua thủ tục nhập môn trong thời kỳ mới khai Đạo.

"Quý Vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con, Thầy chẳng chịu cho hành xác, chúng nó hiệp Tam Thập Lục Động toan hại các con. Nên Thầy sai Quan Thánh và Quan Âm gìn giữ các con nhưng phần đông chưa lập minh thệ nên chư Thần Thánh Tiên Phật không muốn nhìn nhận". (TNHT 1. 7. BD)

Ngoài ra cũng về phương diện thần quyền phải có minh thệ nhập môn thì khi chết Hội Thánh mới tiến hành các thủ tục độ hồn như tụng kinh hấp hối, thượng sớ tân cổ, cầu siêu làm phép xác độ thăng, làm tuần cữu, tiểu và đại tường cho người giữ đúng luật Đạo.

C. Không nhập môn, tu đặng chẳng

Thế nhưng có những giáo pháp chủ trương không cần đến tha lực mà chỉ tập trung ý chí của mình để phát triển nội lực, thôi thúc tiến trình hoàn thiện đến mức độ giải thoát tinh thần mình khỏi mọi hình thức ràng buộc, nghĩa là giác ngộ.

Trên bình diện ngôn ngữ chúng ta thấy có sự khác biệt giữa các giáo pháp này nhưng trên thực tế, sự chuyển hóa dòng sinh lực nội thân khi con người có những cố gắng tu học vẫn giống nhau cũng ví như về phương diện hữu hình hễ thức ăn vào dạ dày chịu luật biến dưỡng, chất bổ dùng nuôi thân còn cặn bã đào thải ra ngoài, phàm thân con người ai cũng vậy.

Trong địa hạt tâm linh đâu có cầu đến tha lực hay không một khi có ý muốn hoàn thiện phát khởi trong tâm con người thì thần, khí của mình liền biến đổi trạng thái từ xấu ra tốt và luật giao cảm tinh thần trong thế giới bán hữu hình cũng thay đổi đối tượng tương cầu thu hút lại gần sự chú ý của những đơn vị sống không hình xác là những tầng điển quang thanh trong không gian gọi là Thần Thánh Tiên Phật.

Sự giao cảm làm tăng cường độ rung động điển quang của Chơn Thần và do đó đương nhiên có thêm sức sống tâm linh cho con người, thần khí con người trở nên tinh tấn hơn.

Hiện tượng gia tăng nội lực tâm linh này gọi là Phật Trời phò hộ, ban ơn hay do công phu ý chí của mình mà đạo tâm trở nên tinh tấn cũng chỉ là cách nói, cách nhìn vấn đề tinh luyện bản thân từ những góc độ nào đó mà thôi.

Khi người tín đồ chân thành cầu nguyện sự trợ giúp của Thần Linh hay chỉ tập trung ý chí muốn hoàn thiện bản thân kết quả của hai phương pháp này vẫn giống nhau ở chỗ là làm cho sức sống tâm linh của mình trở nên mãnh liệt hơn thì phương pháp cầu nguyện Thần Linh trợ lực cũng là một hình thức nâng cao ý chí hoàn thiện và ngược lại tập trung ý chí hoàn thiện cũng là một hình thức thu hút sự trợ lực của Thần Linh qua luật giao cảm tự động.

Ấy là chỗ gặp nhau giữa các giáo pháp hay là lẽ thuận nhất trong biến đổi là chơn lý đó vậy. Đối với thể xác cũng thế, hễ ăn thì phải no, no là vì thức ăn đầy dạ dày, chẳng phải vì tiếng nói tôi ăn hay tôi nuốt.

Hễ mình biết và tu hành thật sự thì đương nhiên tinh thần trở nên tinh tấn, còn tranh luận về giáo pháp chỉ

là kiến thức mà thôi. Cũng chẳng khác nào một người cầm tấm bản đồ trên tay cứ ngồi một chỗ học thuộc lòng từ tọa độ A -> B nhưng chân không bước đi thì chẳng bao giờ đến đích.

Do đó khi đã chọn một giáo pháp nào cần phải theo đuổi cho đến nơi đến chốn. Vị Giáo chủ nào cũng chỉ có mục đích là dạy cho con người làm lành lánh dữ mà thôi, và thủ tục minh thệ nhập môn trong Đạo Cao Đài là một sự ràng buộc cần thiết để giúp người tín đồ chế ngự phàm tánh cho dễ dàng đi đến đích sau cùng của đời tu là giải thoát.

19. Lời Khấn Khi Hấp Hối

Vị chứng đàn đứng trước đầu bịnh như kêu tên người bịnh hấp hối đầu đứt hơi rồi cũng vậy.

"Tôi vâng lệnh Đức Chí Tôn đến tụng kinh cho linh hồn đạo hữu nhẹ nhàng siêu thăng tịnh độ, vậy đạo hữu phải tịnh thần mà nghe và phải cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ân lành cho". (*Trích Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*)

Trường hợp người bịnh hấp hối là chức sắc thì kêu thánh danh của người ấy. Đây là thủ tục thần quyền của người cầu kinh, thốt ra lời nói hay chỉ khấn trong tâm cũng được. Điều quan trọng là tinh thần phải nghiêm trang, nghĩa là tập trung tư tưởng cao độ để hiện tượng trợ thần xảy ra có hiệu quả, nghĩa là Chơn Thần bịnh nhân phải nghe và hiểu được lời dặn.

Phải kêu tên bịnh nhân trước để họ chú ý đến lời nói của mình trường hợp bịnh nhân đã tắt thở. Đây là thuật truyền âm giữa người sống và Chơn Thần người chết nên phải tuân thủ những qui luật sơ đẳng về thần quyền để việc cầu kinh hấp hối thật sự là một thiết dụng của chơn truyền tận độ của Đức Chí Tôn, khác hẳn với mê tín dị đoan.

Bí quyết trong phép độ hồn nói chung là nguồn năng lực tinh thần của người cầu rồi phải tinh tấn nhưng hạn người này ở thế gian hãy còn quá ít trong khi người cần được giúp đỡ lại quá nhiều.

Những qui định của Hội Thánh trong Tân kinh buộc phải thiết lễ cúng Chí Tôn trước, rồi mới cầu hấp hối nhằm mục đích để các Đấng Thiêng Liêng trợ thần cho người sắp đọc kinh có thêm sức mạnh tâm linh, giúp đỡ hữu hiệu cho chơn thần người chết định tỉnh được dễ dàng, trong khi môi trường điển quang chung quanh thường thì rất hỗn loạn do sự xúc động của thân nhân người chết gây ra là chính, hay do trạng thái nội tại của chơn thần người chết đầy dẫy những ác nghiệp khiến họ hốt hoảng luyến tục hay hôn mê trong giờ phút vừa tắt thở.

Như vậy người cầu kinh phải chịu hao thần, nghĩa là mất năng lực sống tâm linh của mình một ít để truyền năng lực ấy cho vong linh người chết, giúp họ định tỉnh nhẹ nhàng rời khỏi thân xác. Do đó càng có đông người tinh thần tốt đến thành tâm cầu nguyện chơn thần người chết càng hưởng được nhiều ân huệ thiêng liêng. Vì vậy buộc người chết khi còn sống phải đắc nhân tâm, gọi là đắc thế, để được nhiều người thương mến mình đến đọc kinh cầu nguyện một cách chân thành, trợ thần mình khi thoát xác và chúng ta nên nhớ rằng không có quyền lực nào buộc con tim của chúng sanh phải yêu thương mình khi mình không xứng đáng.

Có đông người tốt tham dự đọc kinh cầu nguyện cũng giống như có nhiều cục pin ghép lại thì cường độ

của dòng điện phát ra càng mạnh, sức truyền thần càng gia tăng, chơn thần người chết càng hưởng được nhiều sự ân xá của Đức Chí Tôn.

Tóm lại bí quyết trong phép cầu hấp hối là ở đức độ, sự thành tâm và khả năng tập trung tư tưởng của người cầu rỗi.

Trường hợp ngược lại, nếu vì lý do thế tục nào đó, chẳng hạn quyền lợi chính trị, thông lệ xã giao, buộc người ta phải đến tham dự cầu hồn một cách nhiệt tình bề ngoài chẳng thật tâm, thì dù có đông bao nhiêu đi nữa, việc ấy chỉ có tác dụng tâm lý đối với người sống mà thôi.

Phần bí pháp trong chơn truyền tận độ của Đức Chí Tôn phải có đủ hiệu năng nâng đỡ sự thăng tiến của linh hồn người chết mới trọn vẹn ý nghĩa.

20. Tang Lễ

A. Ý nghĩa sự chết

Người tín đồ Cao Đài quan niệm rằng tất cả mọi hiện tượng diễn biến, mọi tạo vật đã hình thành trong vũ trụ trên dòng thời gian vô định đều phát xuất từ một nguồn sống duy nhất được con người gọi tên bằng nhiều danh hiệu khác nhau với tất cả lòng thành kính. Nguồn gốc sống ấy đầy khắp trong vũ trụ bao la, sáng suốt tốt cùng, biết sáng tạo ra muôn loài vạn vật trong đó có con người.

Nguồn gốc sống linh diệu ấy người tín đồ Cao Đài sùng kính qua danh hiệu Đức Chí Tôn, có nghĩa là Đấng được tôn kính tốt cùng trong vũ trụ. Đấng Tạo Hóa ấy sanh ra con người có hình thể, xương thịt và có linh hồn ngự trị bên trong để điều khiển khối vật chất ấy theo những qui luật gọi là PHÁP. Pháp là những qui luật vận hành trong vũ trụ: Pháp vận hành mới có biến đổi tạo ra sự sanh tử của kiếp người trong khoảng thời gian và không gian hữu hạn.

Chết là hiện tượng linh hồn rời khỏi thân xác vĩnh viễn để trở về nguồn gốc ban đầu của nó là Đấng Chí Tôn. Khi lập Đạo Cao Đài Đức Chí Tôn giảng dạy rằng:

"Khi chưa có chi trong càn khôn thế giới thì khí Hư vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực".

"Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra, hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận".

"Khai thiên địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy, Thầy đã nói một chơn thần mà biến càn khôn thế giới và cả nhơn loại".

Hoặc là:

"Bởi vậy một chơn thần Thầy mà sanh hóa thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhơn loại trong càn khôn thế giới nên chi các con là Thầy, Thầy là các con".

Vì vậy người tín đồ Cao Đài quan niệm rằng:

Con người có nguồn gốc từ Thượng Đế là Đấng Chí Tôn có bản thể và cấu tạo của một tiểu vũ trụ. Chết là lúc:

Hồn Trời hóa trở về Thiên cảnh
Xác đất sanh đến linh phục hồi.
(*Kinh tân liệm*)

Chết không phải là hết như nhiều người đã lầm tưởng. Chết là thay đổi trạng thái sống từ hình thức có thân xác đến hình thức không có thân xác.

Hình thức sống này tiếp nối hình thức sống kia theo luật nhân quả, nghĩa là khi còn mang xác phàm nếu con người biết tu hành, làm lành lánh dữ thì khi chết phần tinh anh cao cấp nhất của con người gọi là linh hồn sẽ tiếp tục sống trong trạng thái tốt gọi là Thần Thánh và ngược lại nếu con người làm điều ác, hung dữ thì khi chết linh hồn sẽ sống trong trạng thái xấu gọi là ma quỷ.

B. Thờ cúng tổ tiên

Tục thờ cúng tổ tiên của con người là một biểu lộ của lòng tưởng nhớ đến cội nguồn. Cội nguồn của con người gồm hai phần, phần gần gũi thấy được trong kiếp sống là cha mẹ, ông bà đã sinh ra thân xác mình, phần xa xôi phải suy luận mới thấy được là Thượng Đế, ông cha chung của muôn loài vạn vật trong càn khôn vũ trụ này.

Sau khi chết, phần xác của con người hư hoại, phần hồn vẫn tồn tại. Thờ cúng tổ tiên là để tỏ lòng biết ơn đối với linh hồn người quá cố, nó mang ý nghĩa một sự đền đáp lại món nợ mà mình đã vay của tiền nhân trên cả hai phương diện vật chất và tinh thần.

Vì vậy trong Cao Đài giáo, cái chết và đời sống của linh hồn con người sau khi chết có một ý nghĩa hết sức quan trọng và còn liên quan mật thiết đối với những thế hệ con cháu bởi sự ràng buộc của luật nhân quả. Đức Chí Tôn dạy rằng:

"Các con là Thầy, Thầy là các con".

Cùng một ý nghĩa đó có thể nói rằng:

"Con cháu là ông bà cha mẹ, ông bà cha mẹ là con cháu".

Sự sống phần hồn của ông bà cha mẹ tốt hay xấu có thể điều chỉnh lại được phần nào bằng việc làm của con cháu. Con cháu biết tu hành, làm điều lành sẽ ảnh hưởng tốt đối với đời sống phần hồn của ông bà cha mẹ nơi cõi thiêng liêng. Đó là ý nghĩa của câu kinh:

*Thong dong cõi thọ nường hồn
Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa.*

Câu kinh ấy là một lời dặn dò, an ủi hứa hẹn của con cháu đối với vong linh người vừa mới chết được long trọng đọc lên trước linh cửu, trước sự chứng kiến của Thần linh và người sống tham dự tang lễ.

Tuy nhiên đó là cái thể pháp của Đạo, phần bí pháp là sự sống thực của tinh thần con cháu, có lập đức được hay không sau khi tang lễ ấy chấm dứt lại là một vấn đề khác. Một vấn đề đòi hỏi rất nhiều công đức của các thế hệ con cháu tiếp nối và sự hiểu biết sâu xa rành mạch về chơn truyền tận độ của Đức Chí Tôn, không thể nhầm lẫn với mê tín dị đoan được.

Chúng ta đã chứng kiến qua nhiều đám xác có biết bao đứa con đầu chít khăn tang sứt sùi ngắn lệ, tiếng khóc uất nghẹn trong khi tiếng cầu kinh của đồng nhi vang vang.

"Chờ con lập đức giúp huân ngôi xưa" để rồi sau khi vùi xong nắm xương tàn của người quá cố vào lòng đất lạnh, họ lại tiếp tục say đuổi theo mục đích giàu sang danh vọng, chẳng còn nghĩ gì đến việc lập đức cả.

Người chết có khả năng biết được tư tưởng của người sống một cách dễ dàng và trong trường hợp đó vong hồn của ông bà cha mẹ vừa mới mất sẽ vô cùng đau khổ về sự hững hờ của con cháu đối với mình.

Điều họ cần hơn hết là khí thanh và thần an là năng lực sống của người biết tu hành, có đức độ và con cháu họ đã không đáp ứng được nhu cầu này.

C. Nghi thức tang lễ

Bởi quan niệm rằng con người có xác và hồn, khi chết xác hư hoại nhưng hồn vẫn tồn tại nên các nghi thức áp dụng trong tang lễ của người tín đồ Cao Đài đặt trên căn bản một cuộc tiễn đưa linh hồn người quá cố đi qua một thế giới mới khác hơn cuộc sống trần tục của chúng ta.

Nội dung các bài kinh đọc trong suốt các diễn tiến của đám tang đều có cùng ý nghĩa là tỏ lòng thương tiếc, biết ơn đối với người đã chết, dặn dò vong linh đừng luyến tục, luôn luôn hướng về nguồn cội của linh hồn là Thượng Đế để được thăng lên cõi giới an nhàn cực lạc.

Những người thân trong gia đình và bạn bè của người chết tập trung cầu nguyện cho linh hồn người chết được nhẹ nhàng siêu thoát qua lời kinh cầu siêu. Đó là một phương pháp truyền năng lực sống tâm linh (gọi tắt là truyền thần) cho vong linh vừa rời khỏi thân xác cho họ thêm sức sống trong cõi giới mới này, chẳng khác nào chúng ta tặng quà cho người đi xa vậy. Các bài kinh ấy gồm có:

- . Kinh cầu hồn khi hấp hối và chết rồi.
- . Kinh tấn liệm.
- . Kinh cúng tế của người thân trong gia đình (vợ tế chồng, chồng tế vợ, con tế cha mẹ, em tế anh).
- . Kinh cầu tổ phụ đã qui liểu.
- . Kinh cúng tế của thân bằng quyến thuộc. Đặc biệt đối với người làm nghề dạy học, các học trò cũ sẽ đọc bài kinh tế Thầy, ca ngợi công ơn của vị Thầy đã dạy dỗ mình nên danh phận với đời.
- . Kinh cầu siêu.
- . Kinh đưa linh cửu đến nơi an táng.
- . Kinh hạ huyệt.

Việc đọc kinh trong tang lễ của người tín đồ Cao Đài hoàn toàn tự nguyện, do đồng nhi thực hiện, người tham dự có thể cùng đọc theo hay lắng nghe hòa tâm ý của mình vào lời kinh cũng được.

D. Phép độ thăng

Trong các nghi thức tang lễ của người tín đồ Cao Đài, phép độ thăng là phần sinh hoạt cao cấp nhất thuộc lãnh vực huyền linh và rất khó thực hiện.

Trước nhất nó đòi hỏi người chết phải có một đời sống tu hành tối thiểu là giữ được giới luật 10 ngày chay mỗi tháng một cách nghiêm chỉnh và thứ đến phải có chức sắc được thọ truyền bí pháp độ thăng có đủ quyền năng linh hiển mới thực hiện được.

Vị chức sắc hành pháp phải truyền vào vong linh người chết một làn khí thanh và thần lực đầy an tĩnh, thoát tục, lấy từ năng lực tinh thần của chính mình và số người tham dự cầu siêu có thành tâm và có đời sống tu hành tương đối tốt.

Trong phút chốc vong linh người chết cảm thấy mình được nhẹ nhàng thanh thoát và sáng suốt hơn trạng thái sống trước đó. Đây là sự thay đổi trạng thái tâm linh của chơn thần người chết nhờ vào tha lực. Dĩ nhiên phải có Thần linh giáng ngự trên chơn thần và thể phách của vị chức sắc hành pháp để hỗ trợ cho động tác độ thăng được linh hiển.

Người hành pháp phải có đủ công đức mới điều động nổi khối điển quang của Thần linh và khối người cầu siêu giúp đỡ hữu hiệu cho vong linh.

Phương pháp này chỉ là sự giúp đỡ một phần nào cho vong linh người chết được nhẹ nhàng siêu thoát, chớ tự nó không phải là một phép màu xóa bỏ được tất cả mọi tội tình oan nghiệt trong kiếp sanh của kẻ ấy.

Hành trạng mà chơn thần người chết mang theo là nghiệp quả của kiếp sống họ đã nghĩ và hành động theo hướng nào hoặc thiện hoặc ác, giờ đây họ phải gánh chịu, không thể chối bỏ được.

Thăng hay đọa là kết quả của cả kiếp người, làm phép xác, cắt dây oan nghiệt, độ thăng là giúp thêm sức cho chơn thần dễ dàng thăng tiến cũng ví như một khách lữ hành đi tới ngã ba đường đang khát nước, được giúp một bát nước cho mát dạ, còn sự đói no ấm lạnh của họ trong suốt cuộc hành trình là do túi hành trang, lương thực mà họ mang theo đây hay vơi.

E. Tuần cửu cúng giỗ

Thể thức độ phần hồn cho các vong linh được tiếp nối trong vòng 581 ngày sau khi chết tuần tự diễn biến như sau:

Cứ cách 9 ngày một lần gia đình thân nhân người chết mang linh vị đến Thánh Thất để tụng kinh tiếp tục cầu nguyện cho vong linh được nhẹ nhàng siêu thoát từ tuần cửu thứ nhất đến tuần thứ chín kéo dài trong 81 ngày. Sau đó ngưng lại trong 200 ngày đến tiểu tường và sau tiểu tường 300 ngày là đại tường.

Các bài kinh đọc trong 9 tuần cửu, tiểu và đại tường đều khác nhau, nội dung mô tả sự thăng tiến của linh hồn đến các cõi giới ngày càng thanh cao hơn. Việc đọc kinh hàm ý nhắc nhở linh hồn người chết biết mình sắp được hưởng ân huệ gì trên con đường trở về cựu vị.

Dĩ nhiên ân huệ ấy được mô tả theo ngôn ngữ trần gian. Còn cảnh giới tâm linh, trạng thái sống không hình xác có nhiều điều khác với trí người tưởng tượng.

Cách thức cúng tế, đọc kinh tuần cửu, tiểu và đại tường có chỉ dẫn rõ ràng trong quyển kinh Thiên Đạo và Thế Đạo do Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh phổ biến.

Sau lễ đại tường chấm dứt thời gian thọ tang của con cháu đối với người chết. Thông thường lễ đại tường được tổ chức trọng thể hơn tiểu tường và các tuần cửu. Từ đó trở đi gia đình tổ chức cúng giỗ hàng năm vào ngày chết để kỷ niệm.

Ý nghĩa việc cúng tế vong linh người chết có hai vấn đề rõ rệt:

. Phần hữu hình là để con cháu bày tỏ lòng biết ơn kính trọng đối với tiền nhân và cầu xin cho linh hồn được siêu thoát.

. Phần vô hình là để thực hiện chơn truyền tận độ của Đức Chí Tôn. Bí quyết trong việc độ hồn là nguồn năng lực sống tinh thần của người cầu rồi phải tinh tấn. Quyền lực của các Đấng thiêng liêng cao cả sẽ giúp di chuyển tính chất tinh tấn này truyền đến các vong linh nặng nề ô trược, chẳng những giúp di chuyển mà các Ngài còn cho thêm trong đó để làm giảm bớt tính nặng nề ô trược kia.

Vì vậy luật công bình thiêng liêng đòi hỏi ở con cháu người chết phải biết tu thân lập đức để phần khí và thần trong nội thân họ trở nên thanh cao, thánh thiện và nhờ đó qua lời cầu nguyện, tính thanh cao thánh thiện ấy được truyền đến người chết đặng bù đắp vào chỗ khiếm khuyết của vong linh.

Nói cho dễ hiểu hơn, buổi sống chẳng may ông bà cha mẹ thiếu tu, kém đức nên vong linh còn nặng nề luyến tục thì nay con cháu phải tu thân lập đức đặng lấy công đức của mình mà dâng hiến, bù vào cho ông bà cha mẹ.

Nếu không chịu lập đức nghĩa là bản thân con cháu còn thiếu đức thì lấy đức nơi đâu mà dâng hiến? Còn sự cầu nguyện lời kinh tiếng kệ chẳng qua là phương pháp gửi đi, truyền chuyển công đức mà thôi, cũng ví như sợi dây nối giữa người sống và người chết.

Lấy chuyện nhỏ thế gian mà ví, muốn cho ai tiền mình phải có tiền mới cho được, không có tiền lấy gì mà cho, dầu muốn cũng không được.

Tóm lại, con cháu phải lập đức mới có đức để giúp ông bà cha mẹ "*huòn ngôi xưa*" được.

Chơn thần người chết cần có được tình trạng

Khí trong trẻo dường như băng tuyết
Thần im đìm dường nét thiêu quang
Xa chùng thế giải địa hoàn

Cõi thiên đệp thấy nhẹ nhàng cao thăng.
(*Kinh đệ nhị cứu*)

Và hẳn nhiên, mâm cao cỗ đầy, rượu ngon, bánh lạ, hoa quả hương thơm chất đầy trên bàn thờ chỉ là chuyện của trần gian do chút lòng tưởng nhớ, hiếu hạnh mà bày bố ra thôi!

21. Kết Luận

Vài sinh hoạt mô tả như trên đây không đủ để nói lên hết ý nghĩa của đời sống một tín đồ Cao Đài. Tuy nhiên nó cũng giúp cho độc giả nhất là các bạn đạo mới bước chân vào ngưỡng cửa tôn giáo hiểu được phần nào nhân sinh quan Cao Đài giáo.

Dù mang sắc thái nào, vai trò của tôn giáo thế gian vẫn mưu cầu một đời sống công bằng, ấm no, hạnh phúc, thanh bình cho mọi người. Khát vọng sâu xa ấy thể hiện rõ rệt nhất trong những sinh hoạt thường nhật của người tín đồ.

Thoạt tiên là những lời cầu nguyện chân thành thường xuyên dâng lên Đức Chí Tôn mỗi khi cúng tế tại Đền Thánh, Thánh Thất hay tư gia. Rồi đến những hành động cụ thể hơn từ việc giáo dục đời sống hôn nhân cho thanh niên nam nữ, huấn luyện trẻ con, cho đến việc hướng dẫn người lớn sống với nghĩa nhân, nuôi dưỡng tinh thần dân tộc, bảo vệ giống nòi, phát triển tình giao hảo quốc tế trên căn bản đại đồng huynh đệ, lấy tình thương thay cho thù hận, nhìn nhau là anh em ruột thịt cùng một gốc sinh ra.

Nguồn gốc ấy phải thật linh thiêng, quyền phép đáng kính, đáng trọng, đáng tôn sùng hơn hết mọi sự nên gọi là "CHÍ TÔN".

Và một khi đã đặt mình trong mối tương giao Trời Người hiệp nhất thì đời sống con người trở nên phong phú, sinh động vô cùng.

Tâm trạng chán nản, bơ vơ, lạc lõng của người luôn thấy cuộc đời vô nghĩa là dấu hiệu nghèo nàn của những tâm hồn đã quên mất cõi nguồn thiêng liêng ấy nên mới chuyên chú xây dựng một thứ hạnh phúc trên bụi trần làm đảo điên thiên hạ.

Ước gì mọi người đều rõ biết mọi lẽ ẩn vi trong các sinh hoạt thường nhật của đạo giáo, năng thuyết năng hành thì đạo giáo sẽ là vị thuốc thần hiệu chữa bệnh cho loài người vậy.